



MẮT NƯỚC

TRUYỆN NGẮN
NGUYỄN HẢI CHÍ

NĂM THỨ HAI ■ TUẦN BÁO VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM ■ 20 Đ.

Khởi Hành

CHỦ NHIỆM, CHỦ BỐT:
ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

THƯ KÝ, TỌA SOẠN:
VIÊN LINH

MAI THẢO

tết tuổi nhỏ

ROGER GARAUDY : THẨM MỸ HỌC VÀ CHÍNH TRI

ĐÔNG TRÌNH : TRỊNH CÔNG SƠN VÀ TÌNH YÊU

CAO HUY KHANH : MAI THẢO, CẠNH HẠNH PHÚC

TÁC PHẨM ĐẦU TAY :



TUY
HỒNG



DƯƠNG
TRỨ LA



VIÊN
LINH

70

chức năm 10-9-79



trần thụy

PHÒNG VĂN

ROGER GARAUDY:

THẨM MỸ HỌC

VÀ CHÍNH TRỊ

Roger Garaudy, 77 tuổi và nhà biên khảo già dặn, nhà triết học nhiều hoạt động, là một giáo sư Đại học uy tín hiện còn sống ở Pháp. Cùng một thế hệ với những người đi sau Sartre, ông là người chịu nhiều ảnh hưởng của Sartre riêng về trên phương diện hoạt động chính trị và tranh đấu cho tư tưởng cách mạng. Đã có thời ông được xem là phát ngôn nhân chính thức của Đảng Cộng Sản Pháp nhưng hiện tại vì những bất đồng chính kiến đã bị trục xuất ra khỏi đảng và từ đó trở thành một trong những đối thủ lợi hại nhất của Đảng vì những lời chỉ trích nhắm vào chính cơ cấu và hệ thống lãnh đạo Đảng này. Xuất thân từ một gia đình nghèo cha mẹ đều thuộc giới công nhân, một mình tự ý theo đạo vào năm 14 tuổi, say mê thần học của Karl Barth và Kierkegaard, đọc nhiều về Jaurès và đặc biệt, muốn dung hòa giữa tư tưởng của Marx với tư tưởng của nhà nhĩn bản chân chính số một của Pháp: Romain Rolland. Cũng như Sartre, ông là 1 người nhĩn "ai tiên", có nhiều hoạt động ồn ào nhất — trước những cuộc tranh luận về niềm tin Thiên Chúa Giáo hoặc trong những phòng trào chính trị ủng hộ hay chống đối xã hội chủ nghĩa. Vì thế mà người ta đã chỉ biết đến Garaudy như một chính trị trong khi thực ra ông còn là một nhà văn "dẫn thân" khá độc đáo với những tác phẩm như: D'un réalisme sans rivages, De l'anathème au dialogue, Le grand tournant du socialisme... và đặc biệt với tác phẩm biên khảo về toàn bộ hệ thống triết lý hiện đại nổi tiếng nhĩn dưới một nhãn quan biện chứng tiến bộ: "Perspective de l'homme". Roger Garaudy, nhà chính trị hay nhà văn? Trong cuộc phỏng vấn sau đây, chính nhà văn sẽ cho biết ý kiến, về chính mình. Và về những hoạt động chính trị và văn nghệ, đặc biệt là về ngành Thẩm mỹ học còn quá xa lạ ở VN.

Hỏi: Giữa một người luôn luôn hoạt động tranh đấu, một nhà triết học Đại học, nhà triết gia và con người riêng tư của mình, ông là ai giữa những người đó?

T.L: Từ lâu tôi vốn vẫn là một giáo sư Triết lý, vì thế phải nói tôi là một người thuộc giới Đại học hơn cả. Hiện nay tôi dạy thẩm mỹ học ở ĐH Poitiers. Những vấn đề cốt yếu mà tôi đã cố gắng đề cập đến trong suốt đời tôi không nhất thiết phải là những vấn đề chính trị. Trong khoảng gần 20 tác phẩm của tôi đã có dịp viết chỉ có một số rất ít là sách viết về chính trị. Công trình quan trọng nhất của tôi là công cuộc nghiên cứu về Hegel, sau đó là hai hay ba tiểu luận viết về Thẩm mỹ học, một vài tác phẩm khác thì viết về mối tương quan giữa tôn giáo, triết lý và chính trị...

Những tác phẩm khảo cứu khác nhau đó vẫn có chung một trọng tâm điều hòa thành một mối nhất thống, đó là sự suy nghĩ về những cấu cảnh.

Hỏi: Mới có 14 tuổi, lại sống trong một gia đình ngoại đạo, làm thế nào ông có thể tự ý theo đạo?

T.L: Tôi tin rằng chuyện đó cốt yếu do những tương quan giao tiếp với những người chung quanh mà ra. Tôi đã có dịp quen biết với nhiều nhân vật đáng kính trong lãnh vực tôn giáo và tôi đã theo đạo chính bởi khám phục nhận các của những người này, trước khi tôi bắt đầu biết suy nghĩ về tư tưởng của Barth hay của Kierkegaard.

Hỏi: Ông là giáo sư văn chương tại ĐH Poitiers vậy những liên lạc giữa ông với sinh viên như thế nào? Đối với cuộc bút chiến mới đây giữa ông và Đảng Cộng Sản Pháp, tình viên của ông có thái độ nào?

T.L: Vụ bút chiến đó không bao giờ được nhắc nhở đến trong việc dạy dỗ và học hành giữa tôi và các sinh viên đang theo học, khi dạy học tôi chỉ nghĩ đến việc học thuần túy thôi. Tôi cũng có liên lạc mật thiết với một vài sinh viên và chúng tôi cũng có dịp thảo luận về vấn đề đó, nhưng là luôn luôn ở ngoài giờ học. Những giờ mà tôi làm việc ở Đại học Poitiers mỗi tuần như vậy đều hoàn toàn tách rời khỏi cuộc đời tranh đấu chính trị của tôi.

Hỏi: Về văn chương và nghệ thuật, ý kiến ông thế nào?

T.L: Tôi may mắn được đưa vào nghệ thuật để nghiên cứu một đối tượng mà tôi rất hâm mộ, đó là nghiên cứu về Thẩm mỹ học về những ngành nghệ thuật tạo hình. Đối với tôi, đi vào Thẩm mỹ học không nhất thiết phải là một cách để tách rời đời sống chính trị, không phải là để tránh xa với việc hoạt động tranh đấu. Thẩm mỹ học có nghĩa như một nỗ lực để chung đụng, làm quen, sinh hoạt với tất cả những công trình sáng tạo vĩ đại của quá khứ và tôi thấy, trong đó — trong TMH — Cả một bài học lớn dạy về sự sáng tạo. Đi phân tích ngôn ngữ của hội họa (việc tôi đang làm ở Đại học) cho phép chúng ta đến gần và tìm gặp được với hành động sáng tạo của tất cả những nghệ phẩm lớn.

Vì thế theo ý tôi, Thẩm mỹ học phải đi đến chỗ cuối cùng là phải nhận lãnh lấy những vấn đề lớn lao đã từng là những đề tài của Đạo đức học, của Tôn giáo, của Triết học và của cả chính trị nữa, tức là vấn đề tìm kiếm những cấu cảnh để từ đó đưa con người đến chỗ tự mình ý thức được rằng hẳn là kẻ sáng tạo và là kẻ cai quản thế giới này, và nhất là ý thức được rằng sự sáng tạo đó là một sự sáng tạo không cần có cứu cánh. Δ

(Theo Nouvelles Littéraires, 18-6-70)

DƯƠNG TRƯ LA

THOISU nghệ thuật

NGUYỄN NGỌC HẠNH LẠI ĐOẠT GIẢI

Nhiếp ảnh gia Nguyễn ngọc Hạnh vừa đoạt thêm 1 huy chương vàng với tác phẩm "Tái thiết" trong kỳ triển lãm Nhiếp ảnh Quốc tế lần thứ 25, tại Buenos Aires (Á Căn Đình) ngày 18-8 vừa qua.

Cuộc triển lãm có 42 quốc gia tham dự. Tổng cộng 1.165 nhiếp ảnh gia đã gửi 4.045 tác phẩm tham dự, nhưng chỉ có 335 nhiếp ảnh gia và 478 tác phẩm các loại được ban tổ chức tuyển chọn để tranh giải.

Đây không biết là lần thứ bao nhiêu nhiếp ảnh gia Nguyễn ngọc Hạnh đoạt giải...?

HỘI MÙA TRĂNG CỦA ĐOÀN TN. HS. RỒNG TIỀN

Anh Nghiêm phú Phát, (một kỹ sư trẻ ham hoạt động về văn nghệ, trước đây đã từng vào Đoàn Văn Nghệ Thanh Niên Học sinh Nguồn Sống, với hai lần xuất ngoại Lào và Thái lan trong dịp trao đổi văn hóa với SV các nước bạn), hiện đang điều khiển Đoàn Thanh niên Học sinh Rồng Tiên vừa cho biết: Năm nay "Đoàn..." sẽ tổ chức Văn nghệ Trung Thu với chủ đề "Hội Mùa Trăng"...

Đoàn Rồng Tiên sẽ tổ chức cắm trại ở Vườn hoa Vạn Xuân (góc Parteur, Trần phú Cáp) trong 3 ngày 13, 14, 15-9... sẽ có nhiều tiết mục văn nghệ lành mạnh.

Sau đó, đêm 15-9 sẽ là làm 1 "show" trên Vô tuyến truyền hình, và tổ chức đêm văn nghệ tại trường Quốc gia Âm nhạc.

Trong chương trình này, Đoàn Rồng Tiên sẽ trình diễn vở kịch Trung thu của kịch tác gia Vũ khắc Khoan.

Ngoài ra đoàn còn cho in một đặc san của Hội Rồng Tiên và triển lãm hội họa.

Hoạt động như vậy thì nhứt anh rồi Nghiêm phú Phát ơi!

GIẢI THƯỜNG DỊCH THUẬT

Văn phòng Phủ Q V K đặc trách văn hóa tổ chức giải thưởng dịch thuật năm 70 cho những loại dịch phẩm sau đây:

- Loại văn phẩm ngoại ngữ (Anh, Pháp, Hán) dịch ra tiếng Việt.
- Loại tác phẩm VN viết bằng Hán văn dịch ra tiếng Việt.

— Giải thưởng cho mỗi loại gồm có:

- Giải nhất 120 ngàn đồng
- Giải nhì 80 ngàn đồng
- Thời hạn cuối cùng nộp dịch bản là: 15-11-70.
- Kết quả sẽ công bố ngày: 30-12-70.

— Dịch giả tự do đề bút hiệu hay tên thật trên dịch phẩm dự thi.

— Dịch phẩm dự giải có thể là bản thảo hay sách in ấn hành từ năm 1954 trở lại đây.

— Mỗi dịch giả có quyền gửi dự nhiều dịch phẩm tham dự.

— Dịch phẩm trúng giải trọn quyền của dịch giả song Văn phòng Phủ QVK đặc trách văn hóa được thương lượng để xuất bản lần thứ nhất.

— Các dịch phẩm không trúng giải sẽ hoàn lại dịch giả sau khi phát giải.

Mọi chi tiết cần biết thêm xin liên lạc với ban tổ chức tại văn phòng Phủ QVK đặc trách văn hóa, số 8 Nguyễn trung Trữu Saigon ĐT: 92.709.

TRANH NGUYỄN THỊ NHÂN TẠI PHÁP VẤN ĐỒNG MINH HỘI

Họa sĩ Nguyễn Thị Nhân sẽ trưng bày tranh tại Trụ sở Pháp Văn Đồng Minh Hội, số 24 đường Gia Long Saigon từ ngày 11 đến 20-9-70.

Lễ khai mạc phòng triển lãm sẽ được tổ chức hồi 18 giờ 30 ngày 11-9. Trong thời gian trưng bày, phòng tranh sẽ mở cửa từ 9 đến 12 giờ buổi sáng và từ 16 đến 19 giờ 30 buổi chiều.

SÁCH VÕ THUẬT

Đạo này coi bộ sách viết về võ thuật "ăn" hay sao mà nhiều nhà văn, nhà thơ Việt Nam ta "nhảy vào" hoạt động dữ...

Đề ra ngoài những cuốn sách võ mà Khởi Hành đã có dịp nhắc đến từ trước, gần đây nhứt là cuốn "Căn bản không thủ đạo" của H. Plee, do Nguyễn Châu dịch và từ sách Võ Học xuất bản. Sách trình bày những nét chính: — Đại Cương — Không thủ đạo là gì? Nguồn gốc không thủ đạo, — Mac Arthur quyết định — Không thủ đạo tại Okinawa và Nhật bản. Đi vào chi tiết, sách trình bày rất phẩm minh chia làm 4 phần: Võ một chút lịch sử. — Đi vào căn bản — Thực hành, phân phụ lục — có hình ảnh chỉ dẫn cần thận.

Tường cũng nhắc qua H. Plee là Huyền đai để cứu đảng không thủ đạo, Huyền đai để từ đảng Nhu đạo — Huyền đai để nhĩn đảng Hiệp khi đạo, Còn bạn Nguyễn Châu của chúng ta gì... "đảng" không thấy sách đề...?!

PHONG TRANH CỦA THIẾU NHỊ

Đoàn Gió Khơi đã khai mạc Phòng triển lãm Hội họa phẩm thiếu nhĩ "Trung thu với trẻ Việt" vào hồi 10 giờ sáng thứ Ba 8-9, tại Phòng Thông tin Đô thành, số 165 đường Tự do, Saigon. Lễ khai mạc được đặt dưới quyền chủ tọa của ông Tổng trưởng Thông tin.

2 BUỔI DIỄN THUYẾT

Hội Văn Hóa Duy Linh, tổ chức 2 buổi diễn thuyết tại Câu Lạc Bộ "Phấn Thông Vàng" 43 Bis Nguyễn Thông, Saigon.

I. — Ngày 5-9-1970 hồi 20 giờ: "Chính Sách Văn Hóa — trước hiện

<https://tieulun.hopto.org>

tiếng đất nước" Diễn giả : K.S. Trần Văn Trí. Hội Viên Đại diện Hội Văn Hóa Duy Linh tại Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục.

II.— Ngày 12-9-1970 hồi 20 giờ : "Chính trị và Thanh Niên Việt Nam ngày nay." Diễn giả : G.S. Lê Thành Trí, Giáo Sư Triết Học, Sáng Lập Viên Hội Văn Hóa Duy Linh.

THÊM MỘT THI SĨ HẾT CÔ ĐƠN

Được tin anh Phú Sa Lộc, một người cầm bút Ka Ki trẻ, đã từng hoạt động hăng say trên các tạp chí vì đặc san ở thủ đô cũng như miền tỉnh lẻ, sẽ chính thức từ giả kiếp sống cô đơn vào ngày 12-9-70 tới đây. Nghe đâu người có điểm phúc cận kề bên thi sĩ Miền Tây Đô này là một nữ sinh yêu văn nghệ nhiệt thành, và họ đã quyết định cuộc sống chung vì đã trót hướng cùng khởi điểm đó.

Mong rằng có "người mộng" kề bên, anh Phú Sa Lộc sẽ còn hoạt động hăng say hơn nữa với cảnh "bên anh đọc sách bên nàng ngâm thơ".

CHƯƠNG TRÌNH LỄ KỶ NIỆM ĐẠI THI HÀO NGUYỄN DU NGÀY 10-9-1970 TẠI TRƯỜNG QUỐC-GIA SƯ PHẠM SAIGON

— Hội Văn Bút Việt Nam nói chuyện về đề tài : "Tính chất phi thường trong con người bình thường Thúy Kiều."

— Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội trình diễn hai hoạt cảnh có ngâm thơ 3 giọng Nam, Trung, Bắc.

— Nhóm Đình bằng Phi (Phủ Văn Hóa) trình diễn tuồng hát bội "Kim Vân Kiều" của Ngụy Khắc Đản, lớp Ôn đến oán trản.

CHƯƠNG TRÌNH VĂN NGHỆ DO TÔ KIỀU NGÂN (Hội Văn Nghệ sĩ Quân Đội) THỰC HIỆN NHÂN LỄ KỶ NIỆM NGUYỄN DU

Hoạt cảnh I :

"Của tin, gọi một chút này
lâm ghi"

Hoạt cảnh II :

Kiều gặp Thúc Sinh

Diễn viên :

Hồ Điệp

Hồng Vân

Văn Khánh

Huyền Trân

Nhạc sĩ :

Dương Thiệu Tước (thập lục)

Ngô Nhật Thanh (độc huyền)

Thái Chơn (lục huyền)

Tô Lang (ngọc tiêu)

Bài trí :

Phạm mạnh Cường Δ

ĐẶNG TRẦN HUÂN



CUỐN PHIM "OK" KHÔNG ĐƯỢC THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH SCOTLAND

Nhờ sự can thiệp của ông Simpson Bell. Tân lãnh sự Danh dự của Việt Nam Cộng Hòa tại Scotland, cuốn phim "OK" của một nhà sản xuất Tây Đức đã không được tham dự Đại Hội Điện Ảnh tổ chức tại Scotland vào tháng 9 tới đây.

Được biết cuốn phim "OK" công kích chiến tranh Việt Nam bài Mỹ và tỏ ra rất bất lợi cho cuộc chiến đấu chống Cộng cho chính nghĩa Quốc gia của Việt Nam Cộng Hòa.

Theo tin sự quán Việt Nam tại Anh Quốc biết được nội dung cuốn phim như trên, Ông Bell đã lên tiếng cực lực phản đối với ông Thị Trưởng Edinburgh thủ phủ Scotland, và Hội Nghệ Thuật tại Luân Đôn. Ông còn vận động báo chí lên tiếng phản đối cho rằng cuốn phim không có giá trị gì để tham dự Đại hội Điện Ảnh, và nếu chấp nhận tham dự sẽ gây nhiều sự hoang mang và ngộ nhận đáng tiếc.

Sự can thiệp của ông Lãnh sự Danh dự đã đưa đến kết quả mỹ mãn và cuốn phim "OK" đã bị rút khỏi kỳ Đại Hội Điện Ảnh tổ chức vào tháng 9 năm nay.

THỜI KÈN TRÊN TRỜI.

Quân đội hoàng gia Anh Cát Lợi có 4 nhạc sĩ nổi tiếng. Đó là các trung sĩ Allworthy sử dụng clarinette, Dewar chơi kèn trompette, Furness chơi tuba và trung sĩ Garrad chơi kèn trombone.

Nếu cứ sử dụng kèn không thời thì cũng chẳng gì lạ. Điều đặc biệt là 4 trung sĩ nhạc công này đều có bằng nhảy dù và thời kèn trong thời gian nhảy ra khỏi máy bay lúc dù chưa mở.

Chơi kèn kiêu này thì lạ thật, đặc biệt thật, nhưng phải chơi những bài thật ngắn. Có điều là chẳng cần thời hay, thời đúng. Vì làm quái gì có thính giả nào nghe, khi các ngài còn lơ lửng trên trời.

ZSA ZSA GABOR

BỊ CƯỚP

TRONG THANG MÁY

Nữ minh Zsa Zsa Gabor vừa mất một số nữ trang quý giá, vào

khoảng 1 giờ khuya, nữ minh tinh sau khi trình diễn xong vở Forty carats, trở về nơi trọ của nàng ở khách sạn Waldorf Astoria (Nữ Uớc). Khi nàng vừa bước vào thang máy, tự động thì có hai tên cướp cũng vào theo, rút súng hăm dọa nàng và tước đoạt 2 chiếc nhẫn kim cương và 2 vòng tai trị giá tất cả khoảng 700.000 Mỹ kim. Không biết định giá là bao nhiêu triệu đồng Việt Nam vì hối xuất Mỹ kim chợ đen khi trời khi sụt khó tính quá, mà hối xuất chính thức cũng có tin đe dọa sẽ tăng nên không dám ước lượng.

Được phỏng vấn về vụ cướp, Zsa Zsa Gabor đã trả lời là nàng rất xúc động. Giá mà nàng sinh ở Việt Nam, biết ăn nước mắm, thuộc câu ngụ ngôn "đi đêm lẩm cũng có ngày gặp ma" ắt sẽ trả lời khác rồi.

SAU CÁI CHẾT CỦA SHARON TATE

Nữ minh tinh Sharon Tate bị giết, vụ án chưa xét xử xong thì một hãng phim đã loan báo bắt đầu quay phim Le temps des fleurs (Thời hoa), một phim kể lại vụ án mạng.

Nữ tài tử Pháp Macha Meril sẽ thủ vai vợ Polanski, cùng với hai minh tinh phụ Ewa Aulin và Hiram Keller.

Chỉ mấy ngày sau nhiều hãng khác cũng loan tin đang chuẩn bị mang cuộc đời Sharon Tate quay thành phim để hốt bạc.

Thế mới biết bất hạnh của kẻ này có thể là cái may mắn cho nhiều kẻ khác.

ALAIN DELON CHẲNG BAO GIỜ CÔ ĐƠN

Tài tử Alain Delon sang Mỹ dự khán buổi chiếu đầu tiên phim Borsalino. Khi trở về Pháp, chàng kếp bỏ trai này không chịu về không. Chàng mang theo hai cô gái choai choai Jane Davenport và Pamela Huntington. Chàng tài tử kiêu nhà sản xuất Delon hứa sẽ cho hai cô đóng trong cuốn phim tương lai của chàng, phim Madly.

CON GÁI STALINE BỎ VĂN NGHỆ, BỎ ĐẢNG

Svetlana Alliluyeva, con gái nhà độc tài Staline, chán đảng cộng sản, đã rời bỏ Nga sơ di cư sang Mỹ. Nàng viết sách nói Nga sơ và cộng đảng chẳng ra gì. Nàng quyết tâm ở lại xứ tư bản để làm lại cuộc đời.

Sau khi lấy chồng Mỹ, nàng nghiêm nhiên mang tên là William Wesley Peter và quyết tâm quên đi văng đề làm tròn cái tam tòng tứ đức với ông chồng Mèo.

Nhưng mấy anh nhà báo không cho nàng quên, thỉnh thoảng lại khuấy lên một cái. Họ cố lần mò tới tận nhà Svetlana Alliluyeva ở Spring Green, tiểu bang Wisconsin để phỏng

vấn nàng. Nàng trốn tránh mãi và cuối cùng đành phải trả lời báo chí là không có ý định viết một cuốn sách thứ ba.

Nàng nói :

— Tôi không có dự định làm một công việc gì ngoài việc làm một người vợ tốt để đẹp lòng chồng tôi. Chỉ công việc đó cũng làm tôi bận bịu hết thì giờ rồi.

Nghe sướng chưa. Gái Nga mà ăn nói như đàn bà Việt Nam thời Lý, Trần, Lê vậy. Như thế ai mà dám không tin rằng Mỹ — Nga chẳng có thể chung sống dễ huê.

Ít nhất là trong hiện tại; 4 tháng sau ngày cưới. Δ



TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG
HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY
PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3581BT/BC
NGÀY 26-3-69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ
SỰ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON
ĐT : 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút
ANH VIỆT
TRẦN VĂN TRỌNG
Phụ Tá Chủ Nhiệm
HY VĂN

Thư ký Tòa soạn
VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH
THẠCH • HOÀNG NGỌC LIÊN •
ĐẶNG TRẦN HUÂN • NGUYỄN
H. THÔNG • DƯƠNG TRƯ LẠ

VỀ
NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỖNH
TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Trình bày bìa và ruột
VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu để tên
Chủ Nhiệm • Bài vở để tên
Thư ký Tòa Soạn • Giá 20đ.
mỗi số • Công sở giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho Khởi Hành xin miễn
gửi cho báo khác, và ngược lại •
Tòa soạn không trả lại bản thảo dù
có lời yêu cầu.



SÁCH
BÁO
MỚI

TÌNH GẦY.— Thơ Vũ Hạ,
Đường Mòn 1970xb. Tập thơ mỏng,
chữ nhỏ, in Typo.

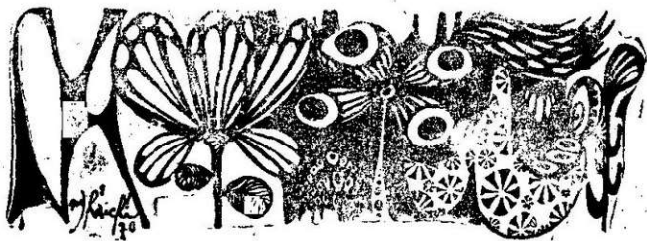
VIẾT TỪ NỖI NHỚ.— Thơ
Trần Hữu Nghiêm. Ronéo.

TRONG MỘT NGÀY CỦA
MỘT NGƯỜI.— Thái Lăng —
Thái độ xuất bản.

SỬ KÝ CỦA TỬ MÃ THIÊN.—
Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê xb. Sách
dày 850 trang, bìa offset, giá 800 đ.

Một tác phẩm cực kỳ công phu,
cả về phần biên soạn lẫn phần ấn loát.
Cuốn sách không thể thiếu trong một
tủ sách.

NHÃ VÂN, TÁC PHẨM ĐẦU TAY



Hồi sống một tác phẩm một khi đã hình thành, sẽ mãi mãi giữ một vóc dáng, là vóc dáng lúc nó xuất hiện, cho dù tác giả có lên tiếng để hiện mình, nói thêm một vài điều, hay phủ nhận một vài điều. Tác Phẩm Đầu Tay của một tác giả chính là tác phẩm mà tác giả thường muốn nói thêm, muốn nói lại nhiều nhất.

Như thế, tác phẩm đầu tay của một nhà văn, nhà thơ, tự nhiên trở thành một cái mốc, một dấu mốc mà từ đó, tác giả luôn luôn căn cứ để nhìn ngắm mình trong tương lai, định lại một cái hướng văn học cho một toàn thể muốn sửa đổi, hay muốn khai triển. Trên đường dài, đó là cây số thứ nhất. Nhìn lại đoạn đường khởi hành, người ra đi, người dừng lại, dù thế nào vẫn muốn vẽ lại một lộ trình. Lộ trình thực tế ấy chắc chắn sẽ khác với lộ trình mơ tưởng. Cho nên nếu có thể khởi hành lại, lộ trình sẽ khác. Và cứ như thế, biết bao lộ trình mơ tưởng sẽ hiện ra trong tâm trí, mỗi khi nhìn lại đoạn đầu: biết bao ước muốn làm lại tác phẩm thứ nhất mỗi khi nhìn lại tác phẩm thứ nhất?

Nhưng chuyện đó không thể xảy ra; tác phẩm thứ nhất, vẫn là tác phẩm thứ nhất, và tác giả đành mang cái ao ước làm lại đó dành cho tác phẩm kế tiếp. Một định hướng lại thành hình, một tác phẩm khác lại ra đời. Có thể nói, nhiều định hướng như thế sẽ xảy ra, và có người xoay quanh tác phẩm đầu như một trục, người ta có một hình cánh quạt, hay một hình tròn: tác phẩm thứ nhất là tâm điểm để tìm lại tác giả. Tác phẩm đầu tay là tác phẩm định mệnh. Định mệnh đó dở dang, dù tác phẩm có thành công chẳng nữa.

Nhà văn Mai Thảo đã nói về tác phẩm đầu tay của ông như sau: "... Nếu như không có tập *Đêm Giữa Trời Hanoi*, nếu như cuốn sách đầu của tôi là một cuốn sách khác, những sau này của tôi chắc chắn không phải là những cuốn sách đã được viết ra."

Thanh Tâm Tuyền cho đó là «lời hứa hẹn đã thất?» và tác giả bị buộc chết với tác phẩm đầu tay, với những gì đã phác thảo, khó thoát. Rồi tác giả viết những cuốn khác; nhưng «phần đông thường là viết những tác phẩm chạy trốn, tác phẩm làm bộ quên lời hứa buổi đầu, rồi rồi cuộc trước sau cũng sẽ hồi đầu.»



TÚY HỒNG

MỠI ĐẦU TÔI VIẾT VĂN TƯỜNG LÀ ĐỂ CHƠI CHO VUI. QUA TÁC PHẨM ĐẦU TAY, TÔI TỰ KHÁM PHÁ RA TÔI. NÓ NHƯ MỘT MỠI TÌNH ĐẦU, MÀ TÌNH ĐẦU KHÔNG CÒN, NHƯNG TÁC PHẨM ĐẦU THÌ...

Thời tôi bắt đầu đi dạy, thời tôi có cái thích ngồi xe xích lô đạp, đó là cái thời tôi viết cuốn *Thở dài*, tập truyện đầu tay. Viết văn hồi đó, tôi tưởng là để chơi cho vui... Không ngờ, tôi đã tự khám phá ra tôi, tôi thấy cái dấu chân của tôi, và từ đó, tôi bước thêm. Bước chậm chậm, từ từ. Truyện *Thở dài*, tôi viết về tình yêu. Tôi thích viết cái đó lắm! Lớn vốn tôi thấy tôi, lớn vốn tôi thấy người khác. Ngồi trên xích lô qua cầu Trường Tiền, qua đường Lê Lợi, đường Trần Hưng Đạo mà tôi thấy. Nhưng, thật ít người cho tôi thấy, không hơn một người cho tôi thấy. Bởi đó truyện nào của tôi cũng là *Thở dài*. Hồi đó tôi nghĩ rằng *thở dài* được là tôi cũng như khóc được là tốt.

Huế, thành phố của tôi thật chật hẹp, thật thân mật và cũng thật uể lải tình xấu tò mò dèm ngo. «Xin đừng nghĩ gì ngoài tác phẩm». Câu đó chỉ là một câu nói chơi. Người của thành phố tôi coi tác phẩm là tác giả. Có nghĩa: «*Vòng tay học trò*» là Nguyễn thị Hoàng, «*Mưa không ướt đất*» là Trùng Dương, «*Bóng tối thời con gái*» là Nhã Ca, «*Thủ hoàng*» là Nguyễn thị Thụy Vũ. Tôi đã bị phê bình: bạo quá! con gái con gung bạo quá!

Tôi là một người viết phái nữ bị phỏng vấn nhiều nhất, phỏng vấn không ngoài ý nghĩ tôi táo bạo, trong tác phẩm *Thở dài* ắt phải có thật nhiều *tôi*, có rất ít người khác.

Sau cuốn này tôi viết rất ít nhưng cuốn sách nào cũng đánh dấu thật nhiều đối với tôi. Nhà văn nào cũng biết yêu. Tôi nghĩ vậy nên những tác phẩm sau tôi viết thật dằn lòng, không còn sợ sệt bị phê bình là «táo bạo» nữa! Từ cuốn truyện đầu tay bị nghĩ là táo bạo thì những cuốn truyện sau có táo bạo thêm cũng là lẽ rất thường tình.

Tác phẩm đầu tay! Ngán lắm còn hoài cảm động.

Có người bảo tôi: Túy Hồng không biết viết về đàn ông. Thế giới của Túy Hồng là một thế giới đàn bà! Những nhân vật dục trong *Thở dài* và trong hầu hết những tác phẩm của Túy Hồng đều là những hình nhân bằng bột bèo nhèo xây dựng nên do tưởng tượng, do những nghĩ ngợi nghèo khổ. Tiếng nói của Túy Hồng là tiếng nói của người đàn bà. Đối với tôi, khuyết điểm đó quá to lớn. tôi đang tự tìm hết cách để xóa bỏ. Nhưng thật khó mà xóa bỏ khi mình chỉ biết có một người đàn ông là chồng mình.

Bất cứ nhà văn nào cũng muốn lối viết của mình có một đường đi riêng. Tôi cũng vậy. Hồi đó, hồi cuốn *Thở dài* chưa thành sách, tôi đã bị cấm đồ bởi cách hành văn của Linh Bảo và của Văn Quang. Tôi thích lối đặt câu của Linh Bảo cũng như ưa những từ ngữ của Văn Quang. Tôi ngắm nghĩa bút pháp của hai người đó thật nhiều khi viết?

Ngày hôm sau, nhìn lại bước đầu, mình thấy bút pháp mình kết hơn, bút pháp mình cột chặt hơn, bớt buồn hơn. Tôi tìm ra được thật nhiều sơ hở và vụng dại ở tác phẩm đầu tay, cuốn truyện bán chạy nhất của tôi. Ở *Thở dài* văn của tôi lộ rõ một ý bóng đùa, một ý diễn cợt thiếu chiều sâu đã làm cho cái buồn bớt buồn đi, cái mỉa mai bớt mỉa mai đi. Cách hành văn thật nhuốm nhiều ý tưởng con nít. Ngày hôm nay, tôi vẫn còn ưa đọc Văn Quang, ưa đọc Linh Bảo, nhưng tôi đã bỏ được nhiều cái điều cợt, khôi hài... Nhưng tôi cũng lấy làm buồn là tự tưởng tôi hồi này lại thiếu cái sắc bén của hồi tôi viết *Thở dài*. Khi mình bắt đầu viết một ngày ba bốn cái feuilleton, đó là một điều mình buồn trước hơn ai hết.

Tôi yêu cuốn *Thở dài*. Yêu như một kỷ niệm như một mối tình đầu. Mối tình đầu cùng kỷ niệm, một đời người có lẽ sẽ không còn, nhưng, tác phẩm đầu tay thì... Δ

VIÊN LINH

TÁC PHẨM ĐẦU TAY LÀ MỘT TẬP THƠ,
MÀ THƠ CHỈ LÀ MƠ TƯƠNG, Ở NGOÀI
LỊCH SỬ, KHÔNG CÓ SỨ MỆNH GÌ RÁO.
THƠ LÀ KÊ PHI CÔNG DÂN, VÔ CHÍNH
PHỦ, HIPPI, THẦY PHÁP, KÊ TIỀN TRI,
NHÀ ĐỘC TÀI.

Sáng kiến về cuộc phỏng vấn này không phải là sáng kiến của tôi, mà là của tạp chí Văn Đê, như đã nói trong kỳ trước. Tạp chí Văn Đê, cách đây hai năm, đưa đề tài chung về Tác Phẩm Đầu Tay, và tôi là một trong sáu người tham dự loạt bài đó. Hồi đó, tôi đã viết rằng thái độ ghê lạnh của một tác giả trước tác phẩm đầu tay là điều thường thấy. Bởi, qua một thời gian nhìn lại, cái ban đầu bao giờ cũng là cái yếu kém, có những sơ hở, đôi khi còn non, đôi khi lỗ bịch nữa. Tác giả ghê lạnh — ngoài mặt, ý thức — nhưng thật tinh. Nó là điều xúc cảm số một trong toàn thể những tác phẩm của một nhà văn.

Tác phẩm đầu tay của tôi là một tập thơ. Tập *Hóa Thân* do nhà Văn Nghệ in cách đây sáu năm. Cho tới nay, đó vẫn là tập thơ duy nhất mà tôi đã in được.

Nhìn lại tập thơ duy nhất của mình, hầu như lần nào cũng vậy, tôi cảm động. Nếu nói được rằng tập thơ có một bối cảnh để nhận thấy nhất, thì đó là nơi tôi đã trú ẩn trong hai năm, Ban mê thuật. Ban mê thuật, thành phố đó không bao giờ có thể phai nhòa, dù một nét, trong một đời người. Núi biếc, đất đỏ, gió tím, mưa xanh. Ở đó, kẻ thất thế sống, và nhìn về Saigon như một kinh thành phải trở về, thế nào cũng phải trở về và *Hóa Thân*, tập thơ ấy là hành trình mơ tưởng giữa hai thành phố. Với một nhân vật cũng mơ tưởng; Cúc Hoa *Cúc Hoa nàng hời có hay...*

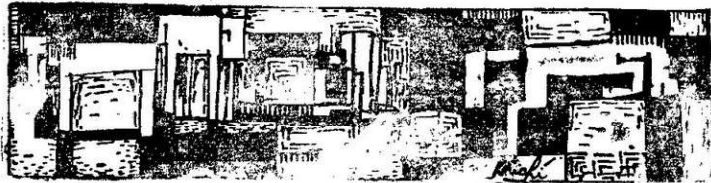
Làm thơ, sung sướng vô ngần. Nhưng một người làm thơ thường mất cái sung sướng đó, về sau. Thi Ca rời xa cuộc đời hoài hoài, vì cuộc đời đòi hỏi tham lam quá. Đời Thơ phải có sứ mệnh. Mà Thơ chỉ là mơ tưởng, ở ngoài Lịch Sử. Thơ chẳng có Sứ Mệnh gì ráo. Thơ là kẻ phi công dân, vô chính phủ, hippy, thầy pháp, kẻ tiên tri, nhà độc tài. Cho nên, trong những tác phẩm đã có, *Hóa Thân* loại trừ hết những thứ khác.

Nó luôn luôn là một ngọn đèn le lói, một ngọn đèn không rực rỡ dĩ nhiên, nhưng không bao giờ ngọn đèn đó có thể tắt, được trong bóng tối của một quá khứ. Khi viết những dòng này, tôi còn nghĩ rằng nó là một ngọn hải đăng của riêng mình, và kẻ tự nhận là thủy thủ dầy dạn dù có nhắm mắt rong thuyền ngoài khơi thì vẫn nhìn thấy nó rõ ràng và gần gũi.

Có lẽ ít người dám hài lòng với tác phẩm đầu tay của mình. Trong trường hợp riêng, *Hóa Thân* là tác phẩm được mang ra phổ biến, nhưng thực sự, nó chỉ là một đứa em may mắn được thác sinh toàn vẹn. Duật còn giữ của tôi khoảng vài chục bài thơ không bao giờ in ra. Đoàn một số không in ra bao giờ. Và khoảng vài chục bài thơ khác đã đăng báo cũng đã bị bỏ quên. Và một số thơ tình, được viết riêng cho một vài người, cũng không bao giờ được phổ biến nữa. Những điều đó có nghĩa là người viết đã tự tước đoạt nó tả tôi nhân dạng kỷ niệm, tình cảm trước khi tự trình bày trong tập thơ đầu. Tôi trong tập *Hóa Thân* là một nhân vật. Đó không phải là một cuốn tự thuật, tự vịnh, như tính cách tự truyện của đa số những tác phẩm đầu. Bởi vậy mà khi nhìn lại nó, tôi nhớ đến rất nhiều người, rất nhiều bối cảnh, nhớ đến cả một sinh hoạt mà từ đó tác phẩm được hình thành. Đó cũng là thời gian anh em chúng tôi qui tụ trên tờ Văn Nghệ. Khoảng năm 1962.

Vĩnh viễn thời gian đó đã chết.

Giờ đây, tôi đang cho in tập thơ thứ hai, *Hình Nhân*. Nó không bổ túc cho tác phẩm đầu tay, nhưng nó biệt lập.



DƯƠNG TRỮ LA

ĐỪNG MONG GÌ CÓ MỘT TÁC PHẨM NHƯ
LÒNG MONG ƯỚC. TÁC PHẨM ĐẦU TAY
CỦA TÔI LÀ MỘT NỖI BUỒN LỚN

Nhắc đến tác phẩm đầu tay là tôi nghĩ đến niềm hối hận to lớn trong đời mình, và từ đó cứ mãi mãi là 1 ám ảnh với tôi mỗi khi cầm bút viết đến.

Xin nhắc lại một chút ở đây đề câu chuyện được mạch lạc: Năm đó tôi đang thất nghiệp trăm phần trăm, đi theo một gánh hát cải lương nhỏ làm người nhắc tuồng; và cũng như bao nhiêu người trẻ tuổi khác, để dần trải tâm tư, tôi làm thơ, viết truyện gửi đăng lai rai ở các báo...

Một hôm tôi được nhà văn Bình Nguyên Lộc gọi đến nhà... Và sau khi biết qua hoàn cảnh của tôi, ông thương tình, chỉ bảo, khuyến khích tôi «bước vào làng văn»... Nhờ sự giúp đỡ của ông Bình Nguyên Lộc, tôi bắt đầu tác phẩm đầu tay, và được dùng chung tên với ông trong tác phẩm ấy. Đó là cuốn «*Lòng ngỡ quên mà nhớ rất xa*»... đăng trên nhật báo Buổi Sáng do Ông Tam Mộc làm chủ nhiệm.

Công việc đều đặn trôi chảy, tôi viết và được ông BNL chỉ vẽ thêm thắt, bỗng một hôm tôi bị Ông Bình Nguyên Lộc «xài xề» hết sức... về tội tôi đã đưa tin cho 1 nhật báo nọ, nói là «ông ăn tiền đầu của tôi». Tôi rất buồn, không làm sao cãi chánh được. Tìm mãi mới biết tờ báo đã đăng cái tin ác ôn trên là tờ Đồng Nai do một anh bạn — không thân mấy — giữ trang Văn nghệ và viết trong mục Thời Sự Nghệ Thuật (như tôi đang viết cho Khởi Hành hiện giờ). Tôi có nhờ anh ta cãi chánh giùm, cũng không hiểu tại sao anh ta lại không chịu cãi chánh... ?

Tác phẩm đầu tay mang một ân hận quá lớn, một lầm lỗi với bậc thầy mình hằng kính nể, từ đó về sau tôi làm việc với một ám ảnh tội lỗi, mặc cảm của một con chiên ghê, đầu tôi rất yếu nghề và hiện đang lẩn xả vào nghề bằng cả cuộc đời của mình !

Việc thứ hai cũng dính dáng vào tác phẩm đầu tay, đó là khi anh Ngọc Linh bán giùm tôi tác phẩm «*Lòng ngỡ quên mà nhớ rất xa*» cho nhà xuất bản Miền Nam. Điều đầu tiên nhà xuất bản nói với tôi là cái nhan đề quá trình bày lên bìa sách không đẹp, đổi cái nhan khác !

Tôi còn chưa tìm được cái nhan nào cho hợp, thì nhà xuất bản (?) đã đổi cho tôi cái nhan là «NHỚ NHUNG» ! Đứa con mình sanh ra không được đặt tên, chưa kể trong đó còn bị cắt xén... cho vừa với số trang về mặt kỹ thuật; chẳng khác nào bà mẹ có quyền vạ tai, bẻ mũi con mình !

Đến khi cuốn sách được bày bán, tôi hết hứng thú, cái hứng thú của người cầm bút với tác phẩm đầu tay, nên thú thật rằng ít khi tôi dám nhìn lại «nó» !

Tác phẩm đầu tay đã què quặt — què quặt tinh thần, què quặt hình thức — và tôi đã mệt mỏi nhiều vì nó.

Cho đến bây giờ, tôi vẫn hiểu rằng, nếu còn vung về ở phương diện xã giao, và còn nghèo như tôi, thì đừng mong gì có được một tác phẩm như lòng mong ước. Biết sao đây, khi tôi không thể là một kẻ khác tôi được ? ! Δ

Có một buổi chiều thật buồn ở Nha Trang, biển không còn quyến rũ nổi bước chân tôi. Bấy giờ trong căn phòng của một người bà con tôi đến trọ, chỉ còn thuốc lá đốt liên tục không ngớt và những mong ước cho một ngày trở về càng sớm càng tốt. Tôi hỏi đứa cháu gái. Mày có nhạc không, lấy hát cho chú nghe một bài. Đứa cháu gái học lớp Đệ nhị trường Bồ Đề, khuôn mặt gầy, da ngăm đen vì thường xuyên đi ngoài nắng có gió mang nhiều muối biển. Nó bắt đầu bằng một tình khúc của Trịnh công Sơn. Giọng hát nhỏ, trầm ấm, có lúc chìm xuống lạc mất rồi lại tiếp tục trong niềm xôn xao vương vít. Hình như con bé, từ lâu vẫn thích ngồi hát một mình. Bà nó đang ở trong một sông bạc, mẹ nó cho đàn vịt ăn, và nó, đã có lúc cùng với Trịnh công Sơn trong căn phòng tối như một kẻ tri âm. Cho nên, có tôi vào, nó vẫn loay hoay với tập nhạc trên bàn học, và khi có lời yêu cầu, nó hát ngay.

Tôi nghe đứa cháu hát, thấy băng khuâng ray rứt không yên. Sự tinh cò thường mang đến nhiều thú vị hơn một cuộc sửa soạn chu đáo. Những chải tóc, mang giày, tra chìa khóa vào xe và cho nổ máy. Những đi và những đến. Chọn một chỗ ngồi trong góc quán vỉa hè và gọi đứa nhỏ đến biểu diễn bằng nhạc mình vẫn thích. Rồi bắt đầu một vài vòng quanh vu vơ trước khi có nhạc đệm... Còn như bây giờ, thật tình cờ. Tôi không muốn ra biển, chỉ trải rộng thính quan cho một âm thanh nào đó. Đứa cháu không nói, mở bản nhạc ra trước mặt bắt đầu.

Hình như nó đang có một mối tình thật đẹp, không hề buồn như tình khúc vừa rồi. Nó sống mỗi tình vui buổi sáng, buổi chiều, ngoài bãi biển với một sĩ quan rất trẻ trong ngành Hải quân. Và buổi tối, khi một mình trở về trong ngôi nhà, nghe lá xôn xao ngoài hàng cây, nó bắt đầu sống với mối tình trầm. Trịnh công Sơn giúp nó thực hiện cuộc tình đó một cách âm thầm, sâu và sung mãn hơn bất cứ một nhạc sĩ nào khác.

Khi đứa cháu bỏ ra ngoài đi mua cho tôi một gói thuốc lá, tôi cầm bản nhạc lên. Bản nhạc còn ấm hơi thở người hát. Phía ngoài chiếc khóa sol

của giếng đầu, bên cạnh chữ «chậm», tôi đọc thấy một đoạn chữ con gái viết bằng mực tím: «Chúng ta dạo phỏ trong dịp tết Đ.M. với những cái cười khi gần nhau làm muôn hoa cũng rộn ràng». Tự nhiên tôi nhớ Trịnh công Sơn vô cùng.

Từ lâu tôi không được gặp lại anh nhưng tôi đi đâu anh cũng có mặt, anh cũng lên tiếng. Anh có mặt khắp nơi trong những cái thùng gỗ được trang bị thật lộng lẫy. Chỗ nào có anh, nơi đó có tuổi trẻ, có những người yêu nhau. Anh là người chứng cho cuộc tình của họ. Anh đã thổi hơi vào cặp tình nhân, dựng họ lên, tấn phong và thấp sáng.

Theo tôi biết, TCS chưa hề có tình nhân vì anh yêu hết mọi người. Nghĩ cho cùng, Diễm chỉ là một tên gọi. Trong tất cả mọi quán nước, những người đến nghe anh, ai cũng có một người tình mang tên Diễm hay chính họ là Diễm. Diễm xưa là Diễm đã qua. Đã mất. Nhưng thực sự Diễm không hề mất bao giờ.

Tôi không có đủ bằng chứng chính xác để kết luận TCS có một người tình mang tên Diễm hay không. Qua nhạc anh cũng chẳng có chi tiết rõ ràng nào nói lên điều ấy. Ở đó, chỉ còn mưa và thấp cổ. Chỉ còn tay dài và mắt xanh xao. Chỉ còn lá thu mưa và gót nhỏ mòn. Chỉ còn hồn xanh buốt.

Không gian Diễm bỏ lại thật hiu hắt. Trong đó, người ngồi ngai lên như tháp cò và mưa thì rơi mãi không cùng. Mưa reo lá thu trên đường dài hun hút, mưa phủ mờ lên từng hàng cây xanh. Mưa qua từng chuyển trên đầu một người ngồi đợi. Đợi mưa như đợi tàu. Bởi ngày xưa, khi tình còn đây, người đã đợi mưa mà đến tìm nhau. Bởi ngày xưa, trong mỗi chuyến mưa qua đều có người về. Nhưng hết rồi, trên dấu chân người nay chỉ còn âm thầm là đó. Trên cuộc tình người nay chỉ còn mơ hồ lá phủ. Hồn xanh buốt cho tình phai. Người vẫn ngồi đó, bất động, nhưng bỗng người lên tiếng rất thiết tha: «Chiều này còn mưa sau em không

Nhớ mai trong cơn đau vai
Làm sao có nhau?

«Nhớ mai» mà không «nhớ nay» vì người còn ngồi, còn đợi, còn hy vọng,

người còn lên tiếng chiều dự huyền hoặc như gọi hồn: «Bước chân em xin về mau». Sau cùng, chỉ còn tiếng mưa rơi đều. Âm thanh nhỏ và sắc, cứ lên niềm hoài vọng không nguôi của một đời người. Đời người từ đó đã hẳn lên nỗi đau. Đời người biến động. Con mưa đã làm nhòa những vết chân đi trong trí nhớ một người tình xa. Con mưa đi qua một miền đất chỉ còn sỏi đá. Sỏi đá cũng cần có nhau nhưng người thì thật sự đã mất người.

Hình như không bao giờ TCS có được niềm yên ổn trong tình yêu. Nếu anh nói về một người tình thì bao giờ cũng đã mất hay sắp xa. Anh nói về một cuộc tình thì thường là

có thiên nhiên hỗ trợ. Thiên nhiên ngoan ngoãn dễ thương. Thiên nhiên gọi người đến gần, vuốt ve và thỏa hiệp. Biển trở thành biển nhớ. Những khốn khổ chịu nặng trong hồn đầy bỗng được mở lối thoát thông: «Ngày mai em đi, biển nhớ tên em gọi về».

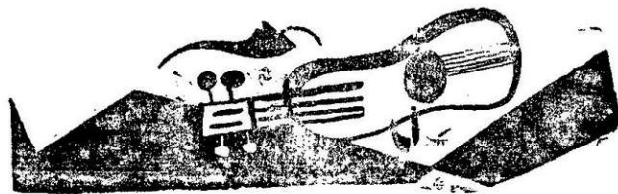
Gọi ngàn liễu rủ lê thê, gọi
bờ cát trắng đêm khuya

Ngày em đi đời nước nghiêng
nghiêng đợi chờ

Sỏi đá trông em từng giờ, nghe
buồn nhịp chân bờ vờ...

Người đã mất người vào giữa thiên nhiên. Thiên nhiên và người chỉ còn một. Chỉ còn biển nhớ em biến quay về nguồn. Chỉ còn một

TRỊNH CÔNG SƠN, TÌNH YÊU VÀ NIỀM TÔI NGHIỆP



đông trình

cuộc tình không may. Có lẽ chỉ có sự xa cách, bất hạnh mới cung ứng cho người nghệ sĩ những rung động thần kỳ. Tạo hóa dựng nên thiên nhiên nhưng chỉ có con người mới phá được hơi thở vào cho nó. Người nghệ sĩ, vì thế, ở một khía cạnh nào đó, đã thêm một lần sáng tạo lại thiên nhiên. Nghệ sĩ là những ông trời nhỏ. Biển chẳng hạn. Biển vốn là biển chung của muôn đời và muôn loài, nhưng đã có lúc, biển chỉ là biển riêng của một người. Quả tim con người quá nhỏ mà nhiều lúc phải chứa đựng nỗi u uất của cả một ngàn đời. Người nghệ sĩ đã cố gắng chịu đựng nhưng chịu đựng không thấu. Thế là

trùng dương ngập hồn gió mưa. Chỉ còn một triều sương con mẹ ướt đầm và giữa rêu phong rũ buồn tồn đọng, một bàn tay tiếc nuối đưa lên, nghe ngón tin sang trên những ngón gãy gió lộng.

Như thế, tình nào đối với Trịnh Công Sơn chẳng là tình sâu. Chưa bao giờ có một nhạc sĩ định nghĩa tình yêu phong phú như vậy. Ngôn ngữ TCS, một chân dẫm lên thơ, một chân dẫm lên nhạc. Anh đứng rất vững vàng giữa những phá hủy xoay xiết không thể tránh được của thời gian đối với một tác phẩm nghệ thuật. Thời gian như một giếng cuồng lưu vạm vỡ bào mòn từng góc cạnh của ngôn ngữ. Đối với

15 THÁNG 8 TÌM ĐỌC

THẮP ĐƯỜNG

TẬP CHÍ VĂN NGHỆ

Nguyễn Song Ka — Nguyễn ngiệm Nhượng —
Ý Ka — Hồ ngọc Ngừ — Nguyễn lương Vỹ —
Nguyễn phan Thịnh — Trần hoài Thư — Đặng
tấn Tài — Đỗ đình Đồng.

liên lạc thư từ NGUYỄN SONG KA
195, Tầng bệt Hồ — QUY NHƠN

MÙA THU 1970, PHÁT HÀNH :

TÂM THU KINH

THƠ ĐẶNG TẤN TỚI

VĂN ĐỘNG XUẤT BẢN

15-8 PHÁT HÀNH :

NÔI HỒNG

— TRUYỆN DÀI THƠ MỘNG NHẤT CỦA
TỪ KẾ TƯỜNG

VIẾT RIÊNG CHO TUỔI NHỎ

— Bìa TUYỆT ĐẸP CỦA HOÀNG ĐĂNG.

NAM CƯỜNG XUẤT BẢN,
TÒNG PHÁT HÀNH

một nghệ sĩ không có chân tài, tác phẩm chỉ lóe sáng được một lúc và một lần. Ngôn ngữ của họ chỉ là thứ ngôn ngữ vay mượn của quần chúng và không hề có khả năng làm mới. Từ đó, một tác phẩm được xưng tụng hôm qua, có thể rũ liệt, ốm yếu và tắt thở vào ngày mai. T.C.S. không ở vào trường hợp đó. Anh nắm lấy mỗi chữ — Vốn là của chung — và thổi hơi vào làm thành của riêng. Anh lấy tiếng nói của đôi biển thành gia báo. Anh vật lộn với ngôn ngữ để lựa lọc, tìm kiếm, mài giũa. Anh đã thức suốt nhiều đêm trên một giường nhạc kẻ sẫm. Anh đau đớn vật vã như một con chim tức tưng. Anh ấp ngôn ngữ để nở thành những sự sống nhỏ.

Không có tình nào trên quả đất cũ hơn tình yêu. Không có người nào trên quả đất xưa hơn người tình. Nhưng người nghệ sĩ phải có khả năng làm mới, tái tạo. Phải cho người khác thấy được một tình yêu mới trong một ngôn ngữ mới, bằng một lối diễn đạt mới. Cuộc đời không hề cũ dưới con mắt của một nghệ sĩ biết khám phá, tái tạo. Nếu cuộc sống chỉ là một con trọt lớn thì mỗi nghệ sĩ phải có khả năng khảm vào những cái vấy xà cừ. Chẳng hạn những cái vấy xà cừ cho một mối tình sâu.

Tình sâu vốn là thứ tình sâu. Rất nguy hiểm và nổ thật dòn như trái phá. Rất nồng nàn và nhức buốt như vết cháy. Muối mòng và mời gọi như trái chín. Một lần và quyến rũ như nốt chết. Nhưng tôi nghiệp thay con tim thì mù lòa cổ tình không trông thấy những cạm bẫy. Chỉ cần một sớm mai thức dậy cho ngất ngáy hôn, cho mất nai buồn, cho đôi tay mềm và phờ phạc. Nhưng có ngờ đâu vết cháy trên da thịt lan rất nhanh. Xa như trời nhưng cũng gần như mây, tàn bạo như một cơn bão xô qua đời người.

Trịnh công Sơn, bằng tất cả khả năng hữu hạn của ngôn ngữ và nhạc điệu đã lên hết chiều cao, xuống hết chiều sâu của tình. Những nỗ lực của trái phá, những bông rât của vết cháy, những reo vui của nắng ấm, những mòng dỏ của trái chín... đã tạo thành một thứ âm thanh xôn xao kỳ lạ, để rồi đầy lên cao vút, mới cánh, và đứt bứt chết ngộp giữa đường bay. Từ đó mỗi cười tình đã khô. Hình hài tình đã thay. Mặn nồng tình đã phai. «Tình chia nhau gian dối, tình đầy tình đời nơi». Con tim mù lòa bây giờ mới thật sự là kẻ thương phẫn mặc cho tình dẫn đi. Trong cơn sâu tình đã thấp, người được đưa qua hồ sâu, người được vùi lên núi cao; và sau cùng, chính trong cơn yêu dấu mặn nồng nhất, tình đầy tình xa nhau. Không còn gì nhân tâm hơn. Người chỉ là con mồi giữa những móng sắc quỷ quyết của tình.

Tình đưa ta đến bên cơn muộn phiền rồi tình đi âm thầm nghìn trùng như vết sương, lạnh lùng như dấu chim... Dù sao ta cũng xin cảm ơn tình. Con tim tột nguyên đã được đốt sáng:

«Tình lên em đêm với vàng nhưng chóng quên,

Rộn ràng nhưng biến nhanh.

Tình cho nhau mới ấm. Một lần là trăm năm».

Thế giới tình của TCS bao la ngút ngợp, xôn xao vương vít nhưng cũng im vắng vô cùng. TCS phá vỡ những ước lệ cổ hữu của nhạc tiền chiến để đẩy tình lên cao và xuống sâu. Tình ở đây không còn ngừng lại ở một Diễm, ở một cô láng giềng, ở một người bên bên sông Tương. Người ở đây không nhất thiết đang ôm đàn du xuân tiếng tơ hay vừa «say tình mới hôn tôi tới bờ». Tình không đóng khung trong một tên người, không định cư trên một bến sông. Tình mở rộng bao la ngút ngợp. Tình rất chung nhưng rất riêng, ai cũng có thể soi thấy mặt mình...



TÔI bỗng nhớ vô cùng một quán nước trong thành phố sắp được trở về. Ở đó bóng tối nhiều hơn ánh sáng. Ghế bàn là những gốc cây sù sì được đầu chấp một cách vụng về cổ tình. Ấy là người ta muốn làm sống lại thiên nhiên giữa một thành phố đang trên đà tự hủy. Tôi đã nghĩ đến một đàn bò trẻ về không tìm thấy nước uống. Tiếp lục lạc khua vang một thứ âm thanh cấp cứu bông rât. Đàn bò đi lang thang một mình. Những trẻ mục đồng đã bỏ rơi chúng đang ngậm điệu cày, xách tù và tiến sâu vào núi.

Quán nước mọc lên giữa một trại, định cư đông người. Muốn vào, phải qua nhiều con hẻm tối và lờn dưới một sợi dây thép dài phơi đầy áo quần đàn bà. Ở đó có rất nhiều người đến ngồi. Họ trầm mặc, bất động như ngồi trong một thánh địa. Ở đó có đủ con trai con gái, nhưng mỗi người chiếm một góc, vắng khuất, rời rạc. Tiếng muông khua lách cách trong ly cà phê. Và rồi thì nhạc TCS cất lên. Ánh sáng mờ dần cho những mái đầu vừa cúi xuống. Bóng tối đầy trên tóc. Bây giờ, trong không khí ngột ngạt của một thứ quán bệnh, chỉ còn tuổi trẻ chúng tôi, Trịnh công Sơn, tình yêu và niềm tội nghiệp. Δ



Nha Trang, 22. 8. 70

trần dạ lữ

THƯƠNG ĐỨC



1

Buổi chiều Thường Đức mưa phong tỏa núi rừng. Mưa buồn thảm thiết. Mưa kín cả lòng người. Mưa như từ thiên thu vang vọng. Tôi đứng trên đồi cao, nhìn quanh quất, mòng lung sâu nhớ. Em, anh đứng đây không thấy phố thấy lâu, chỉ thấy màu xanh ưu phiền của núi, màu xám nặng của mây và khói sương lên trời. Buổi chiều Đà Nẵng có mưa không? Mưa có làm em buồn em nhớ?

Thường Đức, những ngày tôi đến hết hieu. Đời sống thu lại trong hầm. Địch pháo ngày đêm. Tôi không còn là người của phố thị thông dong. Tôi nằm trong lòng Thường Đức; mang tâm sự của kẻ xa nhà, nỗi chết không rời, nỗi buồn vây hãm. Thế mà tôi vẫn tưởng tượng ra em. Anh lên dốc núi lung đào. Tôi đã gặp Nguyễn Bình trong ký ức, đã thương em như chim thương rừng, cây thương lá, bướm thương hoa lúc vô cùng xa vắng.

Em, những ngày còn ở phố tôi đã linh cảm ra đi và em đã vô tình cầu nguyện. Những đêm đã mất mát hèn hèn. Những ngày bàn tay không đưa tôi khoảng cách. Có phải chúng ta tự đào huyệt để chôn đời sống?

Em, những ngày Thường Đức, em chỉ còn trong trí tưởng anh quay quắt. Những điều thuốc đốt mỗi ngày cho, bè bạn, người thân chỉ còn lại dấu vết của một loài chuột trong hăng. Tôi kêu gào. Tôi chửi bới, cuối cùng tôi trở lại nỗi lạng lẽ vô vô, buồn thảm.

2

Dưới chân đồi san sát những mái nhà tranh. Hiên hòa. Những mái nhà đan tay nhau thành làng mạc. Những mái nhà xơ rơ bên dòng sông cái đục ngầu buồn thương. Những mái nhà của đêm Thường Đức lung bùng của ngày Thường Đức nắng không đủ xóa hết sương mù sớm mai. Những mái nhà lằng lể cho bất trắc mai phục. Ở đó đầy tiếng hát của người Thường nhớ buồn, người Kinh nhớ nhà. Ở đó người lớn chóng già, trẻ con ngo ngắc. Ở đó vắng bóng hoa hồng. Nhưng ở đó bền bỉ chiến đấu. Mỗi người lính nghĩa quân là 1 dài quan sát, báo động hỏa tiễn 122 ly. Ở đó tôi gặp mẹ già với nỗi mơ ước bình yên. Ở đó xứ nặng mùa binh lửa của những ngày tháng sáu.

3

Phụ, Giao, Ngọc, tao đã xa tui bấy vừa đúng 15 ngày. 15 ngày nằm chèo queo ở Thường Đức. Ăn cơm gạo sây. Thường xuyên «nhận quà» của những người anh em chó đẽ. Tao nhớ sáng nào còn trong quán Cuối, uống café, tán dóc với tui bấy. Tao nhớ đêm nào say mủ với thằng Anh — thương phẫn binh — đã qua đời. Thằng Anh cố quên đời là phải. Nhớ một óc lăm. Núi rừng nào, ruộng đồng nào hân đã qua và quả mìn nào cướp mất khúc chân của hân? Niềm tin đã vượt khỏi tay hân, ngọn nắng cuối cùng đã bay khỏi lòng hân, tuyết lăm. Hân gạo thết, chửi bới tui bấy đường tường hân điền. Hân mặc cảm với con gái. Hân là tù nhân của chính hân. Hân cần bạn bè. Tao nhớ giọng hân hôm nào «Tại sao trời không cho ta điền, điền hân đi. Ở trạng thái nửa điền, nửa tỉnh này ta khổ lắm...» Tao thương hân quá. 15 ngày dài ở Thường Đức. Địch pháo kích liên miên. Tao còn nguyên hai chân hai tay. Nếu xui trúng một quả thì tao chẳng khác nào thằng Anh, thằng thương phẫn binh tội nghiệp. Ở đây có thằng cùng làm việc với tao thật tội. Mới cưới vợ có mấy ngày đi hành quân. Thằng đó là lính «cậu». Lần đầu tiên đi hành quân. Nó nhớ vợ. Nó ngán. Nên suốt ngày ở miếc trong hầm. Tao dọa nó, ra ngoài lỗ rùng đạn pháo kích bỏ vợ cho ai. Nó nghe lời, đi đại cũng sợ. Ăn cơm nghe pháo kích cũng giật mình. Nó nằm dài ruột rả mấy ngày. Sau đó, có lệnh nó được trở về hậu cứ. Nó mừng như điên. Tao còn ở lại. Đến ngày thứ 10 râu tóc đã mọc xồm xoàm vì hôm đi, râu tóc đã dài tao chưa hớt. Tao soi gương. Tao cười một mình. Giờ này mà đôi hôn chắc là người yêu tao cũng không cho. Mà rõ tao ngớ ngẩn thật. Nàng đã là «cổ nhân» rồi sao? Nhưng tui bấy biết không, những ngày dài Thường Đức tao lại đắm ra nhớ nàng kinh khủng. Lạ nhỉ?

4

15 ngày dài ở Thường Đức. Xin thôi. Ngày mai ta già từ. Xin chào làng mạc, núi non, đồn trại đã nuôi tôi 15 ngày dài trong hầm trú ẩn. Đã cho tôi kinh nghiệm sống với bạn đồng ngũ. Đã nuôi thương nhớ tôi dài như râu tóc. Đã dạy tôi yêu sự sống, yêu từng tấc đất. Thường Đức, ngày mai ta về. Δ

PHÍA cón cá t bầy quạ đang bay lên đáp xuống.
Người đàn bà chèo mũi ngó thấy cái thây ma tấp ở đó, bà ta quay lại phía sau kêu chồng chỉ. Người đàn ông vẫn xong điều thuốc, đứng lên dòm theo ngón tay của vợ. Ông ta không nói lời nào, lẳng lẽ bẻ lái chiếc ghe sang hướng khác. Người đàn bà thả xuôi mái chèo đứng yên, nghỉ ngơi. Người đàn ông dần mạnh tay chèo mấy lần. Người đàn bà vẫn đưa mắt ngó cái thây ma.

Người đàn ông bực dọc :

— Sao mày hồng chèo lẹ lên, bộ muốn tới đó dành ăn với quạ hả ?

Người đàn bà dường như không nghe tiếng chồng, bà ta ngoái cổ nói :

— Minh chèo tới đó đi ông.

Người đàn ông trợn mắt :

— Trời ! mày nói giỡn à !

— Không, thiệt mà.

— Trời đất ! Mày có khùng hông ?

Người đàn ông buông cây chèo, quăng điều thuốc xuống sông, đứng thẳng lưng chống nạnh mở mắt ngó vợ, ông ta lầm bầm : Trời con này khùng thiệt rồi.

Người đàn bà mỉm cười :

— Có ông khùng chứ tui.

Người đàn ông há hốc miệng không biết nói gì.

Người đàn bà tiếp :

— Minh tới đó coi có cái gì hông ? Thấy ma chó trúng nhiều cái giàu lắm đó ông.

Người đàn ông nheo mắt ngó mấy con quạ. Ông ta sửa lại cái nón lá bị gió hất về sau lưng. Xong chống hai tay lên mũi ghe gạt gạt cái đầu rồi ông ta trở về vị trí cũ, cầm chèo, lấy chơn nạy cây tầm vông bẻ lái hướng mũi ghe về phía thây ma. Người đàn bà liếc yêu chồng mỉm cười, mái chèo của bà ta bõ nhanh xuống nước.

CHIẾC ghe bị mắc cạn cách thây ma ba bốn cây sào. Người đàn bà sẵn quần tận bắp về nhẩy xuống. Người đàn ông cản :

— Khoan mày.

Ông ta ngó thấy cái thây ma trầm trường phơi bụng. Mấy con quạ hoảng hốt đập cánh bay lên kêu om xòm.

Người đàn ông lắc đầu :

— Có khi khô gì mà xuống vậy, đâu có bận quần áo.

Người đàn bà hứ một cái :

— Sao mà ông khờ quá. Hồng có quần áo thì nó đeo đồ đạc. Đàn bà mà làm gì không có đôi bông, đeo lắc hay giây chuyền cá rả.

Người đàn ông ngó cánh tay của thây ma bị sóng đánh nhúc nhích. Trề môi :

— Có cái cứt chó bông, chó giây chuyền.

Người đàn bà hất hàm :

— Ở nếu có rồi đừng có ăn động ngheo ?

Người đàn ông nín thinh ngó vợ.

— Sao ông hồng xuống tiếp người ta ?

Người đàn ông rùng mình lắc đầu.

— Hứ ! Nhìn ông gì mà nhát như thỏ đế. Hồng xuống thì rút cây sào đưa đây. Có rồi đừng có đòi ăn động ngheo ?

Người đàn ông gạt đầu, rút cây sào trên mu đưa cho vợ.

Người đàn bà cầm cây sào đi tới gần thây ma.

Người đàn ông móc túi lấy dầu củ là thoa lên màng tang, thoa lên mũi.

— Ê ! mày lấy dầu củ là nè thoa.

— Ôi ! ai mà yếu như ông đây. Nhìn ông gì mà hờ ra là dầu củ là dầu gió, hứ !

Người đàn bà đưa sào khều lên cổ thây ma. Lũ cá hoảng hốt chạy, nước bắn lên trắng dã. Mùi hôi thúi tăng lên làm người đàn bà bịt mũi chạy trở lại ghe. Người đàn ông mỉm cười đưa dầu củ là cho vợ :

— Tui yếu, còn bà mạnh quá hén ?

MẶT NƯỚC



Người đàn bà háy một cái rồi giựt lẹ hộp dầu củ là thoa lia lia lên mũi lên màng tang. Bà ta ném hộp dầu lên sàn ghe rồi đi ò ò tới cái thây ma, đưa sào khều. Bỗng bà ta buông cây sào chụp vô cườm tay thây ma giựt mạnh. Bà ta đưa lên coi tấm lặc có hột xanh hột đỏ, miệng cười toe toét ngó chồng. Đi chậm chậm về ghe, mắt không rời tấm lặc.

Người đàn ông cười cười hỏi :

— Bằng gì đó vậy ?

— Vàng, có nhận hột xoàn hay hột đá gì đó. Người đàn bà tới lái ghe đưa cho chồng coi.

— Mày rửa đi chứ.

Người đàn bà thọc xuống nước dạo dạo rồi đưa lên. Người đàn ông cầm lấy ngắm nghĩa một hồi :

— Trời đất ơi ! ĐM đồ giả.

Người đàn bà trợn mắt :

— Hà ? ông nói sao ?

— ĐM đồ giả, hồng nghe sao ?

Người đàn bà ngán người. Bỗng bà ta ụp một cái rồi khom xuống ới mửa.

Người đàn ông kéo vợ lên ghe mỉm cười.

— Đó. Mày hồng chịu nghe tao, tao đã nói cái thứ chết mà ở trần ở trường như vậy có đồ thiệt là tui nó gờ trước rồi.

Người đàn bà xua tay biểu chồng chống ghe ra khỏi chỗ cạn.

— ĐM cây sào mày bỏ đằng đàng rồi làm sao mà chống... Thôi, để tao xuống lấy cho.

Người đàn bà khoác tay lắc đầu :

— Thôi thôi, bỏ nó đi, tháo chèn ra mà chống.

— Bỏ đầu mà uống vậy.

Người đàn ông bước xuống lấy cây sào.

Người đàn bà nói giọng run run :

— Nước chảy mạnh thì đầu nghì chút đi.

— Trời đất ! Bộ mày muốn lòi phèo hả ? Từ này giờ hồng thấy tao chèo muốn rụng cánh tay sao ?

Người đàn bà lồm cồm bò ra khỏi mũi ghe, đi xiêu vẹo về phía mũi, cầm chèo.

Người đàn ông hỏi :

— Còn một mà sao ra đó ?

Người đàn bà nín thinh đẩy mạnh cây chèo. Cái ghe lắc lư.

Người đàn ông chắc chắc lưỡi :

— Trời đất ơi ! mày làm cái gì kỳ cục vậy. ĐM, tao biểu đó mũi nằm nghì đi à !

Người đàn bà vẫn nín thinh, tay chèo đẩy mạnh hơn.

Người đàn ông đỏ mặt, lột mạnh cái nón lá liệng ụp xuống sạp ghe. Ông ta nuốt nước bọt cái ực rồi ngược mặt ngó đám mây trên đầu, thở dài...

Cánh tay nó nhúc nhích — Bầy quạ đen hoàng hốt bay lên — cây sào khều vô đám thịt rả — Bầy cá giựt mình chạy văng nước trắng dã — cái mũi đầu củ là vẫn còn ở mũi. Người đàn ông phải nhắm nghiền mắt lại khi cái tấm lặc có nhận hột xanh hột đỏ hiện tới, và vợ ông ta buông sào chụp lặc. Ông cảm thấy mũi mũi hôi thúi đang quay cuồng khắp thân thể, khắp mặt sông, khắp bầu trời. Người đàn ông gục đầu ụp ụp.

Người đàn bà nổi sùng vì tiếng ụp, không thèm ngó mặt chồng :

— Tui hồng có giỡn nữa ngheo. Thấy người ta nhin rồi chọc hoài hả ?

Người đàn ông muốn ngã ra cười nhưng một tiếng hự từ ruột gan đưa lên, tiếp theo là cơn canh hủ tiểu ần hồi sáng và hồi trưa tuông ra ò ạt.

Người đàn bà quay lại ngó chồng. Một tay của anh ta ôm chèo, còn một tay ôm ngực, cái lưng thì cong lại, phình lên xẹp xuống coi giống như con ếch ương. Bà ta nói rít trong kẽ răng :

— Tui đã nói ông trời ông có mắt mà.

Người đàn ông đưa tay khoác khoác khi tù trong miệng ông ta chảy ra cái nước gì vàng vàng đắng ngắt, đầu ông ta lắc lắc uể oải. Ông ta cố ngược mặt lên hít một hơi dài.

— Đ. đi mẹ mày. Ông ta hít một hơi nữa rồi tiếp : Đã biết tao ghê mà còn bắt tao tới gần.

— Hứ ! Ghê ghê. Ghê sao mờ banh mắt dòm ?

— ĐM tao dòm cái gì chứ ?

— Thì dòm cái đó chứ cái gì. Nó nằm giữa mà

— Cái đó đi mẹ mày... ĐM quạ ăn hết tron hết tội. Người đàn bà mỉm cười :

— Đó, như vậy mà ông nói hồng có dóm hả ?

Người đàn ông cười hề hề đưa mắt ngó lóp loi nước bốc lên làm chòm cây ở khúc quẹo mờ nhạt. Ông ta nói sang chuyện làm ăn. Về những chiếc ghe chài chở lúa mà ông ta sẽ vác, sẽ đợi được nhiều tiền — rất nhiều tiền — Bến chợ mà vợ chồng ông sắp tới sẽ dài ngoằng vài tháng. Khi qua mùa lúa có lẽ ông sẽ tìm việc khuôn vác hàng hóa khác :

— Kỳ này mình ở lại đó luôn, ở đó ít lộn xộn.

— Hừ ! Hồng biết mấy chục lần ông hứa ở lại đó luôn.

— Lần này tao nói thiệt mà mày, già rồi.

— Lần nào cũng nói thiệt, lần nào cũng nói già rồi.

Người đàn bà hờn dỗi ngó ngang. Vẫn giọng hờn dỗi :

— Mà tui hồng có ham nhiều tiền, ông mà mần có nhiều tiền thì bẻ bạn nhậu nhẹt tùm lum tà la.

— Kỳ này tao hồng nhậu nữa, tao phải dành tiền mua nhà cửa để ở trên bờ với người ta chớ, ở dưới nước hoài sao ?

— Ôi ! thôi ông đi, ông mà hồng nhậu nhẹt thì cũng đi điếm.

— Trời đất ơi ! sao mày nhắc chuyện đó hoài.

— Nhắc hoài mà ông hồng chịu chưa hưởng hồ...

Người đàn ông cắt ngang :

— ĐM tao biểu bà nội cầm cái hòng lợi. Cũng tại bà nội mới ra nông nổi.

— Tại tui mần sao chớ. Người đàn bà buông chèo đứng chống nạnh.

Người đàn ông cũng rùng rùng cặp mắt, buông chèo :

— ĐM, ai biểu bà nội hồng chịu để, mấy chục năm mà tui hồng bỏ bà nội là phước cho bà nội lắm rồi, còn đòi cái gì nữa chớ ?

— Hừ ! làm như tui cần lắm. Tui mà đi ngủ với thằng khác thì có cả dồng con liền.

— Ủ ! có giỏi thì đi ngủ đi.

Người đàn ông cười thề vài tiếng nữa rồi cầm chèo lên. Hai người nin thình đầy mạnh tay chèo, chiếc ghe dùng dăng muốn gãy làm đôi, xé nước tiến tới ò ò.

Người đàn ông tiếp tục nhớ tới cái thầy ma — lần đầu tiên ông ta thấy cái thầy ma trần truồng như vậy. Cũng trên cái mặt nước này, ông ta đã thấy không biết bao nhiêu cái thầy ma, cái chông chổng ở thời 42—48 gì đó, ông không nhớ rõ, chỉ biết thời đó ông còn thanh niên — cái thời Việt Minh, Hào Hảo, Thiên Chúa, Cao Đài, Tây u thanh toán nhau, trả thù trả oán kỳ thị tùm lum — có hôm ông đếm được hàng trăm cái chông chổng, nhưng ít ra trên thân thể cái chông chổng đó cũng có miếng vải quấn — cả chục xác xơ xấu vô một cây tre, rồi cả chục xác khác trói chùm vô sợi dây luyệt. Chưa bao giờ ông ta bị ói nữa như bây giờ. ĐM, chắc cũng tại con vợ của mình :

— ĐM, mày nói hồng có ham tiền mà lợi đi lấy đồ trong cái chông chổng chết trời hả ?

Người đàn bà lại buông tay chèo đứng chống nạnh :

— Bây giờ ông muốn gãy nữa hay sao ? Muốn gãy thì con này gãy cho mà coi.

— ĐM, hễ gãy là buông chèo hả ? Bộ mày muốn chết hả ?

— Tui hồng cần, con này hồng cần, hồng ngán gì hết. Người đàn bà ngồi bẹp xuống mũi ghe nghinh nghinh cái mặt. Người đàn ông nuốt ực nước bọt :

— ĐM, hồng chèo hả ?

Người đàn bà vẫn nghinh nghinh cái mặt. Bỗng có tiếng súng cóc chùm từ trong bờ phía lùm cây. Người đàn bà hoảng hốt nằm bẹp xuống sạp ghe. Tiếng súng cóc chùm nữa nổ lên. Người đàn

bà nhóm dậy cầm chèo, bà ta day mặt ngó chỗ tiếng súng nổ.

— Trời ơi ! ngó chi vậy bà nội ?

Thêm tiếng cóc chùm nữa. Người đàn bà thấy bàn tay ngoắc ngoắc trên bờ. Bà ta nghiêng mũi chèo nạy mũi ghe về phía bàn tay ngoắc.

— Trời ơi ! ĐM, mày mần cái điều gì đó ?

— Người ta kêu kia.

— Trời ơi ! ngu ơi ! là ngu ! chèo lẹ qua bờ bên kia đi bà nội.

Người đàn bà vẫn nạy mũi ghe.

— ĐM, bộ mày muốn chết sao ghé đây. Mày biết súng của ai bắn hồng ? của mấy ông đó. ĐM, ghé chỗ này gặp tàu tuần nó bắn nát óc.

Mũi ghe hướng về phía khác. Tiếng súng máy nổ lên lóc béc có giấy. Đạn rơi lùm chùm chung quanh ghe.

— Trời ơi ! Mấy ông bắn thiệt kia !

— Kệ mấy ông, chèo rút đi bà nội.

Tiếng súng nổ nhiều hơn, đạn trúng nui ghe. Người đàn bà linh quỳnh không chèo được. Người đàn ông chửi om xòm...

CHIẾC ghe đã ra khỏi khúc quẹo, và súng cũng đã ngưng nổ. Người đàn ông buông lợi tay chèo, đứng thỏ, chửi mồm hơi động mí mắt :

— ĐM, cái ngu của mày hồng biết bao lớn, mày hồng nhớ chỗ đó hôm trước đó mày bị bắn chìm sao ?

— Người ta kêu mà hồng chịu ghé thì người ta hồng bắn à !

— ĐM, ghé hả ? Vừa ghé thì tàu Mỹ nó tới, rồi mấy ông bắn ra, rồi Mỹ nó bắn đó. ĐM, tao chửi hoài mà mày hồng khôn chút nào h t.

Người đàn bà đưa mắt ngó về phía trước :

— Gần tới rồi hả ông ? Cây cột đầu nhon khoang trắng khoang đó đó.

— Coi đây chớ tới đó là mặt trời chen lặn à !

Người đàn ông khom xuống khoát nước rửa mặt rồi đứng lên vươn vai thở một hơi dài thúi củ : khoan khoái :

TRUYỆN NGẮN

NGUYỄN HẢI CHI



— Bữa nay mày khỏi nấu cơm, tôi chạy rồi tao với mày đi ăn tiệm.

— Thôi, ông ăn thì ăn chớ tui hồng thích.

— Hồng thích thiệt hén ?

— Thiệt mà.

— ĐM, lần nào mày cũng nói thiệt thiệt.

Người đàn bà cười cười ngó bọt nước đang nhảy múa ở be ghe.

— Thôi, chèo rút đi mày. Hồng biết ở đây thiệt quân luật mấy giờ đó.

Chiếc ghe êm đềm lướt tới.

Người đàn ông hút gió một hồi rồi cất giọng cao lên, xuống câu vọng cổ.

Người đàn bà quay lại ngó chồng :

— Con Ba bánh lọt nó khen ông ca mùi.

— Lão tở, mày.

— Thiệt mà.

Người đàn ông cười cười hỏi :

— Con mẹ đó khen mần sao ?

— Thì khen ca mùi chớ mần sao ?

— Khi không con mẹ khen à ?

— Khi không hay khi có gì ai mà biết.

— Dờ giọng ghen nữa rồi.

— Hừ ! Ai thèm ghen cho mệt.

— Hồng ghen mà gọi chuyện con Ba bánh lọt.

— Nó khen thì tôi nói nó khen chớ.

— Thôi đi mày; nhắc con đó mần chi cho xổ thúi củ.

xem tiếp trang 12

HUY TƯỢNG



HOA TRÁI ĐỘC,

Hay tay đau đớn mùa bão đây

Ôi Người nằm lả tóc mưa bay

Nửa khuya mộng đỏ nghìn trái độc,

Rụng xuống hồn tôi giọt nguyệt say.

TRONG NGHĨA ĐỊA M. Đ. CHI

Màu gió thoảng hương nồng thịt rã

Tóc Người bay chết nửa đôi vai

Ngập xuống hồn tôi đầy như mộ

Lửa chiều hư huyền đốt tàn phai

Vạn cổ riêng trời cánh chim xưa

Hoang liêu bay mãi vẫn chưa vừa

Sương lạnh nghìn năm tôi tả mộng

Ờ trắng chợt cũ một đêm mưa !

Phổ động mây rừng nở người ra

Ngàn ngàn ứa lệ phủ đầu hoa

Chao ôi triệu cánh chim vỡ bóng

Vì thấy mộ Người trong mộ ta...

MỘNG NGƯỜI,

Mất cánh chim ở triệu tiếng chim

Sao không ngã xuống với trăng chim

Nhốt hai màu lá vào mây biếc

Đốt mộng người nhau cháy nửa đêm.

THÁI độ của những người quen thuộc cũ quả thực đã làm giao động tâm hồn, tư tưởng của Xuân Diệu, lung lay tận cội rễ.

Rồi những hồ gươm, hồ Tây, hồ Trúc Bạch, Xóm Khâm Thiên v.v... với phong cảnh êm đềm nên chơi hào hoa phong nhã, với những con đường nhựa, dinh thự, lầu cao tráng lệ của Hà nội ba mươi sáu phố phường «ngựa xe như nước, áo quần như nêm» gọi lên trong lòng Xuân Diệu một cảm xúc rạo rạo. Tâm hồn đa cảm, sâu mộng của thi nhân, cái nếp sống phóng khoáng của «chàng trai giàng hồ mã thượng» lâu nay, Xuân Diệu đã cố quên đi, nên xuống, chôn chặt tận đáy tim mình, nó chỉ còn là một thứ tiềm thức mơ hồ, nay bỗng nhiên bị khơi dậy mãnh liệt bởi khung trời cũ vô vàn kỷ niệm êm như mơ.

Hà nội của thanh bình, của một thời vàng son nhưng lựa, của những tà áo trắng, áo xanh, áo hồng, thời trang đẹp mắt, của những mái tóc buông lơi, những chiếc môi hồng mời gọi, của những dáng liễu ngả nghiêng bên hồ Hoàn Kiếm, soi đáy nước khi chiều xuống. Tất cả những thứ ấy, cả một trời thơ...

Những tưởng con người cũ, tâm hồn cũ, nhờ kháng chiến, nhờ Lý thuyết Mác xít và tư tưởng lập trường công nông do Đảng trui rèn lâu nay to lớn, vững vàng như ngọn núi Thái Sơn, dè bẹp tan tành. Lúc còn ở núi rừng Việt Bắc, người thơ Xuân Diệu cũng còm vắt, muối vừng, quần áo bà ba nâu, đầu đội nón nan, chân đi dép Bình Trị Thiên, xác cốt bên hông kẻ kè. Có viết lách, sáng tác gì thì bạ đầu gối, khi học núi, lúc gốc cây; khi bờ suối. Xuân Diệu tuyên bố với mọi người là mình đã lột xác, là đã thủ tiêu tác phong tiểu tư sản trí thức, kiểu cạo râu kỳ xa rời nông dân, quần chúng, cho đến tâm hồn, tư tưởng cũng đã đổi thay. Đảng tin lắm. Đảng ưa lắm. Đảng khen là Xuân Diệu trung thực, thành khẩn, tự nhận xét như vậy. Xuân Diệu đã trưởng thành trong cách mạng, đã giác ngộ giai cấp, giác ngộ Đảng.

Nhưng, Đảng đâu có ngờ sau khi về Hà Nội, «con người cũ, phần «đồng» của Xuân Diệu bỗng chốc vung lên.

Và cách mạng, và Đảng đã phải chịu thua.

Núi «Thái Sơn Mác Xít» trở nên nhẹ hững như trong truyện Tàu. «Tây du Ký». Đạo linh phù của Quán thế âm bồ tát dán trên đầu đỉnh núi đề Tôn hành Giả được Đường tăng Tam Tạng gờ đi. Tôn hành Giả hát nhào ngon núi nhảy ra một cách nhẹ nhàng. Bây giờ, con người cũ của Xuân Diệu chẳng khác nào Tôn hành Giả, hát nhào «Thái Sơn Mác xít» để trở về Xuân Diệu của «THƠ THƠ».

Sự kiện đó được biểu hiện bằng một loạt hành động.

Mới chân ướt chân ráo về Hà nội, bộ đồ bà ba nâu trong chiến khu bị Xuân Diệu cho «ngồi phép dài hạn». Chỉ khi nào «đi thực tế», đi công tác ở các nông trường, công trường trên núi rừng Tây Bắc hay các miền quê Xuân Diệu mới mặc vào. Thường ngày Xuân Diệu toàn mặc sơ mi trắng, quần tây úi thẳng nếp, giày da bóng lộn. Mái tóc bông bông, xoắn xoắn được chải đầu bóng mượt. Về mùa thu, mùa đông. Xuân Diệu

thường mặc «vết», thắt «cà vạt», «phu la», bành bao, chững chạc, nổi bật. Nói gì những cuộc tiếp xúc, tiệc tùng với các «đồng chí văn nghệ» Ba Lan, Liên Xô, Đông Đức, Trung quốc v.v... hay khách ngoại quốc, Xuân Diệu diện keng như chú rề trong ngày cưới.

Giống như Nguyễn công Hoan, Xuân Diệu chống chế, rào đón trước bằng cách ngụy biện là vì phải tiếp khách ngoại quốc. Dù gì, một ủy viên trong Ban Chấp hành Hội Nhà Văn, thay mặt cho Hội, cho văn giới Việt Nam, không «chững chạc, đàng hoàng, ngoại quốc họ cười cho. Hội sẽ mang tiếng là cái đám nhà văn Việt Nam đói rách, nghèo nàn, thiếu lịch sự v.v...

Chưa hết, Xuân Diệu còn thích chơi hoa và làm sống lại một vài cái thú «tạo nhân mặc khách» của thời tiền chiến. Trên bàn làm việc của Xuân Diệu, lúc nào cũng có một lọ hoa tươi. Khi thì hồng, khi glaiu, bát lăm cũng vài nhánh huệ. Cho đến cả những lúc đi nói chuyện về thơ ở các nơi, đi thuyết trình ở các trại sáng tác ngắn ngày» đào tạo mầm non, Xuân Diệu cũng yêu cầu Ban Tổ chức tìm cho mình một lọ hoa để trước bàn.

Thỉnh thoảng Xuân Diệu còn đốt nến nhang thơm khi ngồi làm việc,

có được «vết, vết, cà vạt, phu la phu liếc», trong khi lâu nay chả đủ tiền uống trà, uống rượu, hút thuốc Thăng Long?

Về vấn đề sáng tác, hướng thơ, hồn thơ, tư tưởng của Xuân Diệu cũng bắt đầu chuyển hướng. Suốt chín năm kháng chiến, thơ của Xuân Diệu, toàn viết ca ngợi «Bác, Đảng», ca ngợi chiến đấu gian khổ, động viên, gây cảm thù giai cấp, đấu tố địa chủ cường hào, cái cách ruộng đất v.v... nghĩa là sáng tác theo đường lối chính sách Đảng, tuyên truyền cho Đảng. Bây giờ, về Hà nội, Xuân Diệu bắt đầu sáng tác theo kiểu «THƠ THƠ», GỬI HƯƠNG CHO GIÓ, toàn tình cảm lãng mạn của thi nhân đem nghệ thuật phục vụ nghệ thuật.

Nền hiểu là, sau hiệp định đình chiến, Đảng tiếp thu miền Bắc, đường lối chính sách Đảng chuyển từ «giai đoạn giải phóng dân tộc» sang «đân chủ nhân dân» xây dựng xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị cho Cộng Sản chủ nghĩa, dĩ nhiên «chất vô sản» của chế độ trở thành chuyên chế và chuyên chính, không còn là một thứ pha trộn, thứ «đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết», «toàn dân không phân biệt gái trai, không phân biệt chính kiến, tôn giáo, đoàn kết

Bài thơ mà, sinh viên, học sinh thanh niên miền Bắc, không có câu nào không thuộc nằm lòng, không được chép một cách trọng vào «sổ tay thơ» để gối đầu giường. Và, bài thơ này, cũng được xem là bài thơ hay nhất trong quá trình sáng tác của Xuân Diệu kể từ sau ngày gia nhập đảng, đến hôm nay:

BIÊN

Anh không xứng là biên xanh
Nhưng anh muốn em là bờ
cát trắng.

Bờ cát dài phẳng lặng,
Sóng ánh nắng pha lê

Bờ đẹp để cát vàng,
Thoai thoai hàng thông đứng,
Như lặng lẽ mơ màng
Suốt ngàn năm bên sóng.

Anh xin làm sóng biển,
Hôn mãi cát vàng em,
Hôn thật khẽ, thật êm
Hôn êm đềm mãi mãi.

Đã hôn rồi, hôn lại
Cho đến mãi muôn đời,
Dù tan cả đất trời
Anh mới thôi dào dạt.

Cũng có khi ào ạt
Như nghiêng núi bờ em
Và lúc triều yêu mến
Ngập bến của lòng tin.

Anh không xứng là biên xanh,
Nhưng cũng xin làm sóng biển,
Đề hát mãi bên gành
Một tình chung không hết.

Có những khi bọt tung trắng xóa,
Và gió về bay tỏa nơi nơi
Như hôn mãi ngàn năm không thôi
Bờ yêu bờ lắm lắm em ơi!

SẦM SƠN 1956
(TRÍCH TẬP «MŨI CÀ MÀU
VÀ CÀM TAY,
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI 1958)

Sau bài «BIÊN», Xuân Diệu sáng tác tiếp bài «Mũi Cà Mau» cho đăng trên báo Văn Học của Hội Nhà Văn.

MŨI CÀ MÀU

Mũi Cà Mau môn đất tươi non,
Mấy ngàn đời lần lượt ra bề,
Phù sa vạn dặm tôi đây luôn
Dừng lại và chân người bước tới.

Tổ quốc tôi như một con tàu
Mũi thuyền ta đó, mũi Cà Mau!

Lạ thay tình với đất quê hương,
Chưa đến, chưa đi mà đã nhớ.
Ai hay mảnh đất mấy năm trước
Đêm ngủ hồn tôi bằng tôi đó.

Tổ quốc tôi như một con tàu
Đêm năm tôi nhớ mũi Cà Mau.

Nơi xa nhất là nơi gần nhất,
Mũi Cà Mau, Mũi Cà Mau
trước mắt.

(Xem tiếp trang 14)



XUÂN DIỆU

trên đất bắc

LOẠT BÀI THEO CHÂN NHÀ VĂN NHÀ THƠ TIỀN CHIẾN CỦA KIM NHẬT

2

như người xưa đốt lư trầm, khói hương lan tỏa khắp phòng thực là thơ mộng.

Những điều đó, đối với sinh hoạt miền Bắc, tác phong của cán bộ như vậy là điều không thể chấp nhận được, cần phải xét lại. Như vậy là hư rồi.

Bởi, ngay cả những lãnh tụ miền Bắc, từ «Bác» đến Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm văn Đồng, Võ nguyên Giáp v.v... dù đi tiếp khách quốc tế, dự những cuộc lễ long trọng, lúc nào cũng chỉ áo đại cán bốn túi, cổ cao, kiểu áo lãnh tụ Tàu của «đồng chí Mao Trạch Đông» vĩ đại. Còn những người khác thì sơ mi trắng, quần tây đã là một thứ «Keng, sang» lắm rồi. Và cái chuyện lọ hoa, nhang thơm quả là «một bước thụt lùi về chế độ cũ» chẳng ai nghĩ tới.

Cho nên, đối với Đảng, tác phong của Xuân Diệu biểu hiện một sự tiếm nuôi, một sự «quay đầu về con người cũ». Một sự «phản thù» giai cấp, «phản thù» cách mạng. Phản đảng. Cái chuyện «phản thù», Xuân Diệu «phản thù» bạn bè, Đảng không lý tới, càng mừng là khác, nhưng «phản thù» Đảng, đâu có được!

Đảng ủy Hội Nhà Văn liền «hội ý», nhắc nhở, phê bình «Xuân Diệu đồng thời làm một cuộc kiểm điểm, điều tra xem «đồng chí Xuân Diệu» do «động cơ» nào, nguyên nhân nào

toàn dân kháng chiến chống Pháp giành độc lập» nữa. Giai đoạn này là giai đoạn đấu tranh giai cấp, thủ tiêu giai cấp đối kháng, đấu căn đoàn kết nữa. Chỉ có chuyên chế, vô sản chuyên chính, thế thôi. Thì, đường lối, chính sách của Đảng đối với việc sáng tác «văn nghệ sĩ đã được minh định nhiệm vụ rõ ràng là «ca ngợi Bác, Đảng, ca ngợi chế độ xã hội chủ nghĩa tươi đẹp» và «vận dụng các hình thức văn nghệ động viên nhân dân quần chúng thi hành chính sách Đảng, trung thành với Đảng, hi sinh cho Đảng chống tất cả mọi kẻ thù».

Như vậy, Xuân Diệu sáng tác theo kiểu THƠ THƠ, CỬI HƯƠNG CHO GIÓ, trong khi Xuân Diệu đã là đảng viên, cái đó không thể được.

Sự «trở về nghệ thuật» của Xuân Diệu được bắt đầu bằng bài thơ BIÊN. «Đọc qua bài thơ, ta sẽ thấy Xuân Diệu hoàn toàn là một Xuân Diệu trữ tình, lãng mạn thời tiền chiến. Bài thơ này, nhân trong mùa hè thứ nhất sau khi trở về Hà Nội, Xuân Diệu đi chơi ở bãi biển Sầm Sơn, trong một phút xuất thần trước tạo vật, quên mất thân phận, quên mất đất trời, quên mất Đảng, cả không gian và thời gian, chỉ còn có «BIÊN». Một thứ biên của tình yêu, của thanh bình, diu dặt, êm đềm, không bão tố, không sóng gió một mùng như cuộc đời chính trị lâu nay.

BẤT cứ ai cũng có thể làm thiền sư nếu họ muốn. Người ta có thể làm thiền sư bất cứ chỗ nào. Trên xe hỏa, trong góc quán cà phê, ở chỗ đông người. Thâu nhặt những chiếc lá khô trở xương rơi rụng tán mác cuối những cơn đường thênh thang. Dang tay ôm hết những tia nắng vàng còn sót lại trên con phố cũ. Biển nơi hện hồ của những dòng sông chảy dài ngày đêm miền man. Mặt trời chói lóa lấp ló buổi sáng mai cho ngày thôi đừng âm u. Mây trên trời không còn trời dật dờ như loài san hô rong biển. Đôi mắt đắm đắm trong buổi chiều tàn phố. Hoàng hôn kèn đưa ma. Crêpuscule de la mort. Làm thiền sư có nghĩa là cố quên đi để nhớ lại tất cả. Không quên không nhớ. Vũ trụ của hòa nhập cảm thông. Hầu hết những thiền sư bẩm chất đều nghệ sĩ. Trong cơn sốt tinh thức nhức nhối xuyên qua cuộc đời. Những khe hở lá cây đan. Huyền bí mờ mờ đưa vào. Những âm thanh thì thầm trong đêm tối. Ta bảo người đừng cố ngủ. Bởi thao thức là sứ mạng người. Bởi vốn liếng người là kỷ niệm. Bởi buồn cũng như vui. Bởi đau cũng khoái lạc. Tất cả tạo nên dòng thác năm. Con người dự trữ vào thiên nhiên cung đàn se kết tơ duyên. Giờ ngoắt tất cả những cái chuông nhà thờ trên thế giới đều rung. Con mưa trời sắp đổ giông. Một cái chết nào đó. Chuyện ra đi không còn tình cờ. Chiêm bao lần gặp gỡ. Làm thiền sư để tiền tri nỗi buồn thiu.

Đời thập tự mang vai người nhỏ lẻ.

CĂN phòng trống trơn. Một thoáng xanh lắt nhắt khắc lạnh người. Một chiếc giường vừa đủ người nằm. Một cái bàn đặt trên cạnh đầu giường. Một chiếc ghế cho vợ. Tất cả những đồ đạc còn lại được nằm yên dưới sàn nhà trong góc tủ. Thiết tha cho những lần trở về được nghe bình yên đậu cánh. Tôi thường thích thú cho những căn phòng tro trọi như thế này. Như một nhà văn cảm thấy khổ sở khi phải làm quen với những sự vật ứ lũng bất động cũng như phải đối thoại. Không lẽ cả cuộc đời cứ đuổi bắt theo những hình ảnh mãi sao. Bên kia những ảnh tượng chắc hẳn sẽ mở ra một thế giới huyền thoại mê hoặc hơn có phải như vậy không? Có phải như một người bộ hành trong đêm nghe những bước chân mình dụ dỗ lời ngọt ngào. Như nỗi nhọc nhằn của một thi sĩ trước khi làm thơ ca ngợi đời sống phải sắp xếp và chất chứa. Căn phòng chỉ còn lại một cái, bình hoa men sứ với dăm chiếc bông hồng và một chiếc gương soi mặt cỡ lớn treo mắt chính giữa bức tường. Nếu ai đi vào căn phòng này đều phải đi qua cái gương và ngoảnh mặt chào nó. Người ta thường có thói quen soi gương bất cứ nơi nào có gương. Trong khi đời sống hàng ngày tâm hồn con người cũng bị xâu xé. Con người không còn trong sạch vì bị ô nhiễm những hoàn cảnh xung quanh mình. Con người bị bắt buộc phải giải quyết những nhu cầu có tính cách thật thời đại. Ngày hôm nay đi qua phố thấy khuôn mặt mình hiện ra sau



nguyễn cửu thanh

góc tủ kính hơi xanh một chút. Một chiếc xe nào đó đậu bên lề đường thấy tóc mình đã dài đến lúc đi hớt trong lúc ngồi nói chuyện tưởng người đối diện mình lo lắng thật sự hẳn đang soi gương chiếc tủ kính trước mặt. Cái gương mà tôi đã đi qua trong những buổi chiều cảm thấy chóng mặt muốn chết. Vertige de la mort. Một chút nắng vàng đang còn rơi rớt. Một chút máu hồng còn sót lại.

NHỮNG chiếc cửa sổ được mở toang. Cổ xưa đuổi âm u. Đêm mặt trời buổi chiều vào để khuôn mặt mình đừng có một chỗ khuyết nào cả. Khuôn mặt tròn trịa của những người con gái đôi mươi. Trắng rằm mười sáu. Khuôn mặt đặc đạo từ bi đáng như Lai. Đôi mắt buồn xả mở lớn. Da vàng của khuôn mặt và màu xanh nửa bức tường. Mái tóc đen bồng bồng hất ngược ra đằng sau làm thành một đường viền uốn cong trên trán như núi dựng dưới dèo. Màu vàng của nắng trên bãi cát vắng một buổi chiều và màu xanh lơ của trời của bức tường vôi. Đôi mắt tìm vào đôi mắt như những cặp mắt của tình nhân đang tìm về nhau. Khoảng cách mỗi lúc một gần gũi trong khi vị trí không thay đổi. Người và vật khẳng khít không rời. Một lúc nào đó bỗng thấy xa xăm tách biệt. Ngày tháng như đánh mất một cái gì. Đến lúc em không còn quyền rũ được nỗi chết trong ta. Có điều con gái không thể là nơi trốn ẩn mãi cho cả cuộc đời ta. Tình cảm đôi lúc chỉ đào sâu thêm sự nhưng nhớ buồn phiền. Kỷ niệm làm ta lao đao. Nắng tự bùng lên con mắt hoe vàng. Một màu vàng như nhoe nhoe cả không gian. Nắng dội lá vườn đậu thưa. Những bông hoa nở lớn thật khổng lồ. Đôi mắt cay sẽ muốn chớp. Những giọt nước mắt

ứa ra từ khe miệng. Tất cả như muốn chấp chôn nhảy múa và mộng. Cổ xưa đuổi con buồn ngủ muốn chết đè nặng xuống mí mắt. Chỉ còn lại đôi mắt thật sâu làm thành thung lũng dưới bãi nắng vàng. Có lúc cảm thấy tất cả đều tối tăm lại. Vũ trụ theo chiều xoay. Những đợt sóng ngầm đang âm ỉ biến lặng. Bên cạnh bãi cát vắng trái dài. Nỗi chết như một âm mưu đồng lõa cùng thời thách đố rồi từ đó thôi thúc con người sáng tạo và hành động. Nhà văn là người chiêm nghiệm rất nhiều về cái chết để rồi từ đó sáng tạo. Một cái gì bỗng lóe sáng trên trời như những chiếc pháo bông xộc xệch trong đêm thâu. Một màu vàng thật chói mắt đời sống được tái tạo phục hồi. Những khuôn mặt nhảy múa trong gương. Có lúc nằm bên này góc có lúc bên kia. Duy chỉ có đôi mắt là bất động thay đổi tùy theo những khuôn mặt trong vị trí hướng về. Những khuôn mặt thanh tú xóa hai bên như khăn trùm những n' cô và các chị tu sĩ nhà dòng. Có lúc đường rẽ tự nhiên đôi ngồi chính giữa. Đôi mắt nhìn nghiêng theo khuôn mặt thật hiền từ. Những khuôn mặt kinh điển. Hết khuôn mặt này rồi lại khuôn mặt khác. Thật là lạ kỳ lần thích thú khung cảnh phía trước như những cuốn phim không ngừng. Cuốn phim nói về thế giới những người con gái trên một hoang đảo tro trọi xung quanh một nữ chúa. Có điều tất cả đều ngấm cười như La Joconde. Trong vẻ nhị nhảnh lần chiêm trang e dè như những người con gái mới lớn. Trên thung lũng mắt mưa như muốn soi mòn làm hang động. Những giọt mưa làm rát mắt bên kia một vùng trắng xộc con gái cười vỡ bọt. Những khuôn mặt nhoe nhoe những mái tóc ướt đầm hong bay về phố cũ... Một cái nhấp nháy. Đôi bàn tay vuốt mặt đỡ mưa. Một cảm giác rơi rớt lạc lõng. Một cái nhìn thất vọng.. Δ

HOÀNG HẠC

ĐÃ CHO PHÁT HÀNH :

CHÂN DUNG CHÀNG NGHỆ SĨ TRẺ

ĐỖ KHÁNH HOAN

NG. TƯỜNG MINH

dịch James Joyce

DÀNH RIÊNG CHO HỌC SINH BAN C—D,
ĐẶC BIỆT LÀ CHƯƠNG TRÌNH PHÁP HOA

VĂN HÀO

CHUYÊN LUYỆN TỪ TÀI I VÀ II BAN C—D

Sĩ số giới hạn — Phương pháp tân kỳ
— Kết quả mỹ mãn —

— Giáo ban Tiến sĩ, Cử nhân, dạy học và chấm thi trên dưới 20 năm : Chu Kim Long — Đỗ Khánh Hoàn — Lê Kim Ngân — Nguyễn Phổ — Nguyễn Tường Minh — Nguyễn Thành Vinh — Phạm thị Nhung — Tôn Thất Thiện.

LỚP — SÁNG — CHIỀU — TỐI

KHAI GIẢNG : ĐỢT I : 01-09-70

ĐỢT II : 15-09-70

GHI TÊN TẠI 192 LÊ LẠI SAIGON



chuyện cảm đơn bā

SỢ UỚT TẮM VẾ SỐ

Một thiếu phụ từ ngoài bước vào nhà trên mình khoác một chiếc áo măng tô mới tinh, loại đắt tiền. Nàng khoe với chồng :

— Cái áo choàng này em trúng số tombola đấy.

Một tuần sau chồng nàng lại thấy nàng đeo một chiếc nhẫn kim cương. Nàng lại giải thích :

— Em mua số kiến thiết trúng là 50.000 đồng bèn mua chiếc nhẫn này.

Ít ngày sau nàng xe về nhà một chiếc tủ lạnh. Nàng vẫn giải thích là trúng số. Anh chồng hiền từ vẫn cố nài lời vợ

Một ngày cuối tháng người vợ chuẩn bị đi dự một buổi dạ vũ do quân đội Đồng Minh tổ chức. Nàng nhờ chồng vận hộ nước vào bồn tắm trong lúc nàng lục tìm quần áo.

Khi vào buồng tắm người vợ ngạc nhiên thấy trong bồn chỉ có một chút xíu nước, đứng vào chưa ngập mắt cá chân. Nàng hỏi chồng :

— Anh ơi, sao anh lấy cho em ít nước quá thế này nè !

Người chồng thần nhiên đáp :

— Anh sợ lấy nhiều ướt tắm về số của em.

CẢI CHÍNH

Một hoạt náo viên đài truyền hình sau một chuyến công tác các tỉnh trở về thủ đô tỏ vẻ rất bất bình về sự bê bối của khách sạn Bồng Lai ở một tỉnh nọ.

Trong một chương trình truyền hình ít ngày sau đó anh đã kể lại như sau :

— Tôi bước vào phòng khách sạn. Quý vị khán giả thử tưởng tượng xem phòng thấp tới mực nào. Thấp, thấp lắm, thấp đến nỗi, những con chuột sống trong phòng này con nào lưng cũng gù vì chúng phải bò khom khom sợ đụng phải trần

Ông chủ khách sạn Bồng Lai sau khi coi chương trình đó phần nộ diện tính cho anh tài tử truyền hình yêu cầu phải cải chính ngay sự vụ cáo đó, nếu không ông sẽ đưa anh ra tòa về tội phi báng.

Chàng hoạt náo viên không muốn dáo tưng đình nên trong chương trình kế tiếp đã cải chính như sau :

— Thưa quý vị. Tuần trước tôi có kể chuyện về khách sạn Bồng Lai ở tỉnh nọ. Tôi có nói rằng khách sạn này thấp quá khiến chuột ở đây đều gù lưng. Sự thực thì đó là một lỗi nói quá đáng. Vì đúng ra, tất cả những con chuột mà tôi thấy trong phòng tôi ở trọ con nào lưng cũng bình thường chứ không có tật gì cả.

THẦN ĐỒNG TOÁN

Một bà hội một đứa trẻ về mộ ước tương lai của nó.

— Lớn lên cháu muốn trở thành một giáo sư toán học.

— Tốt lắm. Thế hiện nay ở trường cháu học toán tới môn gì rồi ?

— Cháu học phân số.

— Giỏi quá ta. Năm nay cháu mấy tuổi ?

— Thưa bà, cháu chín tuổi và bốn phần mười hai.

DÁN LÁ KHOAI

Một anh chàng có cô em vợ xinh lắm và rất ngây thơ. Anh ta muốn tòm tem mà chưa có dịp.

Một hôm anh ta cùng cô em vợ đi việc đi lên làng trên. Qua cái miếu giữa đồng, anh giả vờ lên cơn đau dữ dội, ôm bụng lặn lội dấy dụa,

làm cô em vợ cuống quýt cả lên không biết làm thế nào.

— Hay là mình đi qua miếu không vào lễ nên Thánh phật chẳng ? Anh ta nói. Di thử vào van vái Ngài giúp tôi xem sao.

Cô em vợ nghe lời. Thờ dấp cô đang quì mọp khấn khứa, anh lên cửa sau chui vào trong bệ, rồi bịt mũi lên tiếng ;

— Ta là Thần Miếu đây. Xưa nay ta có lệ mỗi năm một lần, cặp trai gái nào qua đây vào ngày giờ này phải vào biếu duyên ta coi. Nếu không, ta sẽ vật chết người con trai trước, rồi người con gái sau.

Nghe Thần phán, cô em vợ nấn nỉ xin Thần tha cho, song Thần không còn lên tiếng. Cô lạy tạ trở ra thấy ông anh rẽ cang dấy dụa lặn lội hơn trước. Cô ta bèn lên thuật lại lời Thần dạy.

Anh ta phẫn nộ nói to ;

— Không thể thế được, thà chết còn hơn ;

Ngừng một lát, anh nói nhỏ :

— Anh chết thì đã đành nhưng còn di thi sao ? Hay là thế này ; Di hãy ngắt một cái lá khoai úp trên rồi chúng mình giả vờ làm... Thần đâu có trông thấy rõ.

Cô em vợ nghe theo...

Một lát sau, người anh rẽ khỏi bệnh và nói với cô em vợ ;

— Tại cái lá khoai nó mỏng quá... chứ anh đâu có định vậy. Δ

mặt nước

tiếp theo trang 9

Người đàn bà đứng thẳng người :

— Đó đó, ông có cái gì với nó mà biết nó xui chớ ?

Người đàn ông chọc :

— Có cái gì là cái gì chớ ?

Người đàn bà dậm dưng dưng sạp ghe :

— Đúng, đúng rồi, hèn chi bữa nào ông cũng ăn bánh lọt của nó hết.

— Thì nó bán bánh lọt mà mày biếu tao ăn cái gì ?

— Ông ăn bánh lọt hay ăn cái gì ai mà biết.

Người đàn bà giận dỗi không thêm chèo.

— Tui hông thèm chèo nữa, sao ông hông kêu nó theo chèo cho.

— Sợ mầy hông chịu chớ.

Người đàn bà hứ một tiếng rồi ngoe ngoáy cầm chèo lên tiếp tục.

Người đàn ông lại cất giọng ca vọng cổ...

Người đàn ông bẻ lái về hướng tàu Mỹ :

— Lệ lệ lên đi mậy. ĐM tới nó mà chậm là nó nghi đó.

Chiếc ghe cập vào hông tàu. Nhưng thằng Mỹ đứng trước mũi không buồn xét hỏi. Nó quay về phía bên chợ. Có tiếng đàn bà con gái léo nhéo trên chiếc đò chèo. Đò cập trước mũi tàu. Thằng Mỹ nói ô kê ô kê rồi khom xuống kéo người con gái áo bông lên sàn tàu. Từ trong mũi chui ra ba bốn thằng Mỹ nữa. Chúng tranh nhau kéo hai người con gái áo đỏ lên. Thằng nhỏ chèo đò nói :

— Ô kê Salem !

Thằng Mỹ nói giọng ò ò :

— Ô kê ô kê.

Thằng Mỹ ở trần quay lại phía chiếc ghe đưa tay khoác khoác. Người đàn ông và người đàn bà dưới ghe đã móc giấy căn cước cầm tay. Thằng Mỹ lại khoác khoác lần nữa. Nó nói cái gì có vẻ giận dữ. Người đàn ông và người đàn bà lúng túng

xanh máu mặt. Đứa con gái áo bông mặt đầy son phấn phồng cặp mắt về đăm đăm ngó người đàn ông :

— Nó biếu ông đi đi.

Người đàn ông ngạc nhiên nói :

— Nó chưa xét mà.

Người con gái bực dọc nạt :

— Nó biếu đi thì đi đi cha nội, sao cha nội cứ lặn quá dấy.

Người đàn bà lăm lét ngó thằng Mỹ đầy lông lá, bà ta lúng túng xô mũi ghe ra khỏi hông tàu. Mấy người con gái múa múa tay cười nói, vài tia nắng cuối của mặt trời chiếu lấp lánh trên hột xanh hột đỏ cườm tay.

Thằng nhỏ lái đò chèo lui chiếc đò trống vào bến chợ nó ngoái cổ đưa tay vẫy :

— Ô kê Salem.

Bến chợ loáng thoáng ánh đèn. Δ

20-4-70

MỘT BIÊN SOẠN CÔNG PHU

CỦA VÕ SƯ H. PLEE

ĐỆ CỬU ĐĂNG HUYỀN ĐẠI KHÔNG THỦ ĐẠO

ĐỆ NGŨ ĐĂNG HUYỀN ĐẠI HIỆP KHÍ ĐẠO

ĐỆ NHỊ ĐĂNG HUYỀN ĐẠI NHU ĐẠO

CĂN BẢN KHÔNG THỦ ĐẠO

Một cuốn sách dành riêng cho những bạn ham mộ võ thuật nhưng không thể đến luyện tại võ đường.

ĐÃ PHÁT HÀNH TRÊN TOÀN QUỐC

phong trang trí & quảng cáo

ADA

• Trang trí nhà cửa
• Hoa đồ kiến trúc
• Mẫu vẽ quảng cáo
• Trên báo chí và các

55.CAO.THĂNG SAIGON
ĐT. 92401

MAI THẢO, BÊN CẠNH HẠNH PHÚC^[*]

CÓ NHỮNG dòng chữ cuối cùng của một tác phẩm như thế này: *“Ai cũng phải có một hạnh phúc riêng. Hạnh phúc tới muộn với một người này, sớm hơn với một người khác. Nhưng hạnh phúc phải tới. Hạnh phúc là chính đời sống.”* Trong những dòng chữ tận cùng đó, những dòng chữ đang trên đường viết vàng tím đến một kết thúc dứt khoát (sau đó nhà văn, ông sẽ quên nó đi, phải bỏ nó đi, vĩnh viễn chia ly với nó, để rồi sẽ làm gì? Kia, những tác phẩm vô hình, bất định khác đang chờ đợi. Và chúng ta cùng khởi sự làm lại những điều mờ đầu và những điều chấm dứt), những dòng chữ mang một ý nghĩa bằng khoảng năm lưng chừng giữa những điều đã dành và những điều không dành lòng giằng co u ám ở trong và ở ngoài người viết, trong những dòng chữ đó, nhà văn — tác giả đã thêm bớt được những gì để góp phần chiều chuộng và cứu vãn tác phẩm mình một lần sau cùng? Với Mai Thảo, đó là một trong những lời cuối cùng cho một bài hạnh phúc triền miên. Vì Mai Thảo là một nhà văn bên cạnh hạnh phúc.

Hạnh phúc, niềm bí ẩn hoang mang nào đây? Thí dụ như hạnh phúc rất dễ thấy nhưng ít ai chịu thấy vì nó không có vị trí hay vị trí nó tầm thường, rất tầm thường: *“Đó là thứ hạnh phúc của đám đông. Không phải là thứ hạnh phúc đặt trên một ngai thờ”* (tr.52), thí dụ như hạnh phúc là một điều gì ngăn ngui, phải đến và phải ra đi, rất nhiều người chờ đợi với không niềm hy vọng: *“Cuộc tình không có lối thoát, hạnh phúc chỉ là chiếc lều”*, (tr.234) thí dụ như hạnh phúc cũng sa sây và nhỏ mọn trong muôn một: *Tuy vậy, nếu còn được mơ mộng cũng đã là một hạnh phúc* (tr.139); thí dụ như đôi khi hạnh phúc hé mở cái vẻ mờ hồ lung linh nhiều cảm dỗ sung sướng của nó: *“Hạnh phúc, dù hạnh phúc chưa được qui định rõ rệt thành một hình ảnh cụ thể nào cũng đang làm cho khuôn mặt Bích rực rỡ...”* (tr.217) và cũng có đôi khi hạnh phúc tàn hại rất đau lòng: *“Nàng nằm nghiêng, chùn xuống mặt đệm, để mặc cho những giọt lệ khác tràn ra. Yêu không bao giờ là một hạnh phúc”* (trg.249) Hạnh phúc như thế đó, đa dạng và bí mật, trôi nổi và bấp bênh, bất thường và luân lưu. Hạnh phúc không có bến bờ nhất định, không phạm vi rõ ràng, không tiêu chuẩn đích xác. Làm thế nào có thể biết được hạnh phúc? Bởi vì hạnh phúc: một người hùng muôn mặt.

Làm thế nào biết được hạnh phúc? Đó là một câu hỏi siêu hình có lẽ, cũng có thể là một câu hỏi thông thường và đạo lý, hay là câu hỏi dành riêng cho những thiên đàng vẽ vời trong tôn giáo hay là câu hỏi của những lý tưởng gia đầy rẫy. Và cũng đúng quen đó cũng là một câu hỏi văn chương, một câu hỏi tàn bạo và dịu dàng vì nó đòi hỏi đến kinh nghiệm, nói đúng hơn, đòi hỏi đến một cuộc thí nghiệm hạnh phúc để biết được hạnh phúc. Người ta phải sống qua hạnh phúc người ta mới biết được đó là hạnh phúc; người ta đánh mất hạnh phúc rồi người ta mới biết được đó là hạnh phúc; người ta phải tranh đấu tận tình để gìn giữ hạnh phúc, khi đó người ta mới biết được đó là hạnh phúc. Bởi vì hạnh phúc là một cái vô hình cần có một cái cụ thể để soi sáng chính nó, là điều bất định trên đường đi tìm một đối tượng phản động để tự định hình mình, là một hình dáng chỉ thành tựu từ sau chỗ cuối đường. Trong thực tại, người ta gọi đó là kinh nghiệm. Nhưng khi toàn bộ cơ cấu hạnh phúc đó được đưa vào tác phẩm, thành tác phẩm, được chuyển ra thành những câu văn để nối tiếp mãi mãi những câu văn (bởi một người nào đó, một người có thể bất định lúc này và lộ liễu lúc khác; nhà văn), thì có thể nói đó là những thí nghiệm: thí nghiệm hạnh phúc để dò chừng hạnh phúc và trình bày

hạnh phúc. Mai Thảo là một nhà văn đặc biệt nói nhiều về hạnh phúc và tác phẩm này của ông (*Thời Thượng*) cũng là một tác phẩm nói về một hạnh phúc trong rất nhiều hạnh phúc của rất nhiều (rất nhiều) người.

Như đã nói, đây là câu chuyện của một hạnh phúc trên đường gian nan của nó. Vì thế trước hết, đây là một câu chuyện có nhiều tình cách riêng tư: một câu chuyện gia đình giữa một người chồng (Phục) và một người vợ (Hường). Họ sống không có hạnh phúc với nhau hay nói đúng hơn, hạnh phúc của họ đang bị đe dọa trầm trọng bởi một thế lực vô hình đã gây xáo trộn ngoài ý muốn: *“... nhưng cặp vợ chồng cùng linh cảm hạnh phúc của họ không còn là một hạnh phúc toàn vẹn”* (tr. 57) vì lý do là: *“Nếu có một đứa con? Phải, vợ chồng Phục chỉ cần có một đứa con là mọi chuyện sẽ êm đẹp, gia đình sẽ ổn định, hạnh phúc sẽ trở về”* (tr. 188). Như vậy, cuộc thí nghiệm hạnh phúc ở đây đã hội đủ điều kiện để khởi đầu: người vợ vì buồn rầu mới đi tìm quên ở một cách sa ngã nào đó mà không hay biết, người chồng trở nên nhu nhược vì một mặc cảm bất lực trước sự tan vỡ sắp đến cho hạnh phúc của mình. Từ một yếu tố nằm ngay bên trong cơ cấu (đứa con), hạnh phúc bị xô đẩy tới đụng độ với một yếu tố khác nằm ở bên ngoài cùng góp phần đe dọa phá phách hạnh phúc: sự

đã đánh trúng ưu điểm tài tình của tác giả để lôi cuốn người đọc với một khả năng thơ mộng và tế nhị đến cực độ. Chính không khí lãng mạn và vững vàng của cuộc phiêu lưu từng bước một từng khoảnh khắc buồng thả đó đã tránh cho tác phẩm cái vẻ nặng nề dày đặc dễ thấy.

Nhưng, phiêu lưu là gì? Có thể đó là một trò chơi nguy hiểm (tr.206), có thể đó là một điều tuyệt vời (tr.229), có thể đó là một “vùng nguy hiểm” (tr.207, tr.116), có thể đó là một thứ “tình yêu không được phép” (tr.232), cũng có khi đó chỉ là “một kỳ niệm đẹp” mà thôi (tr.339). Vậy, phiêu lưu là gì? Phải chăng tất cả những điều trên chỉ là một cách nói lại về bản chất của chính phiêu lưu, một định nghĩa trùng phùng về phiêu lưu, sự nhắc nhở luôn luôn thôi thúc ám thầm bên trong buộc người ta phải lưu ý đến cái kết cuộc đương nhiên của bất cứ một cuộc phiêu lưu nào, tiếng nói của lý trí chống lại phiêu lưu, sự bất ổn tận cùng và tuyệt diệu của những đam mê vô trật tự. Có nghĩa là phiêu lưu chỉ đích thực là phiêu lưu khi nó không bao giờ đạt tới bất cứ một thứ tận điểm an toàn nào, không đưa người ta đến bờ đến bến yên tâm, không đi trọn một con đường thẳng mà chỉ suốt đời quanh co rồi thôi, phiêu lưu không thể là một thứ hành trình song suốt êm đẹp đến cùng, là một cái đang hình thành và mãi mãi không có đoạn kết thỏa mãn, một tình trạng triền miên bấp bênh và dang dở, một dự phóng từ chối những kết quả bình thường. Không bao giờ có thể có một cuộc phiêu lưu nào gọi là thành công rực rỡ cả và ngay cả cái ước muốn được “phiêu lưu đến cùng” cũng chỉ là một cách nói giới hạn đầy khiếm cưỡng: *“Cuộc phiêu lưu tuyệt vời nào rồi cũng phải có lúc chấm dứt”* (tr. 227). Và cuộc phiêu lưu trở nên mang nặng một vẻ buồn kín đáo âm thầm, nét buồn của một cơn mưa giông âm ứot ngày mai, khi chính những người trong cuộc (hai người) đều đã mơ hồ đoán trước được điều đó. Giữa những kẻ phiêu lưu, với nhau, phút này, hạnh phúc biến thành một niềm ước vọng xô đẩy thời gian, nỗi lo âu vội vàng vẫn hồi hạnh phúc đã không cho phép có đủ giây phút để tận hưởng, hạnh phúc ở nơi chỗ vắng mặt hạnh phúc, hạnh phúc phai tàn một cách xót thương trong nỗ lực bám víu niềm tuyệt vọng cam chịu: *“Anh phải đưa tôi trở lại đây... Tôi không muốn trở lại một mình. Mà muốn trở lại với anh”* (tr. 151). Và làm thế nào để tránh được cái vẻ mỏng manh vô hạn của niềm hạnh phúc tội nghiệp đó? *“Có cô nghĩ trở lại như thế là sớm quá chăng. Chúng ta có thể trở lại. Nhưng một lần khác”* (tr. 165). Cái lần trở lại đó tuy đã có xảy ra thật nhưng hình như tác giả đã tránh phải nói nhiều đến nó, đã không kể lại trong chương sách cuối cùng. Vì một lẽ giản dị: Cuộc phiêu lưu đó đã tự nó chấm dứt nhiệm vụ, nhường chỗ cho hạnh phúc, một điều chưa được giải quyết. Vì hạnh phúc đã tạo nên phiêu lưu và phiêu lưu đưa tới hạnh phúc ở chỗ sau cùng của một tác phẩm nói về hạnh phúc. Chúng ta trở về lại với cái hạnh phúc ban đầu của đôi vợ chồng đó bởi một lẽ giản dị là giờ đây hạnh phúc đó của họ cũng đã trở về bằng một cách giải quyết có hơi vội vàng đầy lo âu của tác giả: *“Đứa con mong chờ bao nhiêu lần, đứa con đã tới. Hạnh phúc bỏ đi đã nhiều tuần, tưởng rằng hạnh phúc có thể bỏ đi vĩnh viễn, nhưng không, hạnh phúc đã trở về”* (tr. 335) Đứa con hiện diện bất ngờ như cơn dao, rọc sách của Loan có thể gây khó khăn cho người đọc, người ta có thể trách tác giả đã vụng về nhưng làm thế nào có thể trách được

CAO HUY KHANH



hiện diện của “Thời Thượng” (một câu nói hàm hồ!). Chính cái thế giới kiểu kỳ và xa hoa phù phiếm này với một giai cấp “tân hiền đạt” ăn chơi vô trách nhiệm đã vô hình tạo nên sự phân tán tâm lý giữa 2 vợ chồng đưa họ càng ngày càng bước lên tới cảnh tan vỡ. Không người nào có thể ngăn cản sự tan vỡ đó được, nhưng điều đó không có nghĩa là hạnh phúc đã thực sự tan vỡ xong xuôi và dứt khoát. Hạnh phúc chỉ đang trên đường tan vỡ chậm chạp dần dà, hạnh phúc đang thử tan vỡ với một hy vọng cứu vãn cuối cùng, hạnh phúc đang lặn mò những bước tiến những bước lùi của nó. Vì thế hạnh phúc ở đây mang một ý nghĩa phiêu lưu, đây những người trong cuộc vào những chuyến phiêu lưu hay nói một cách nào đó thì hạnh phúc đã tự tạo thêm một yếu tố phiêu lưu để góp phần làm sáng tỏ chính mình. Từ đó một cuộc phiêu lưu lớn, đã xảy ra: cuộc phiêu lưu tình cảm của một người đàn ông đã có vợ với một người con gái vừa quen biết: *“Cuộc đi chơi bất ngờ mang ý nghĩa một cuộc phiêu lưu. Bích nghĩ đến cái ý nghĩa này. Và nàng thăm ước ao cuộc phiêu lưu kéo dài, đánh lạc hướng con đường trở về”* (tr.148) Bên cạnh một hạnh phúc đã tàn dần, mờ phai buồn bã đó, bên cạnh một người vợ đã vô tình tự xóa nhòa vai trò của mình, người đàn ông kia đã không thể từ khước những tiếng gọi đầy vẻ quyến dụ tươi mát đó: *Chàng đã muốn lên đường, chàng đã muốn phiêu lưu. Vì đó chẳng qua cũng chỉ là định mạng của đàn ông. Một cuộc phiêu lưu lớn và một phiêu lưu thật đẹp*

[*] Đọc Mai Thảo: “Thời Thượng”. truyện dài, Cối Sơn xb, 1970, 340 trg. 300d.

Xuân diệu

tiếp theo
trang 10



Đời bên Bến Hải, nước non nhà
Đâu cũng là Nam, đâu cũng Bắc.

Nắng mưa có thể đổi trăm màu,
Lòng không rời hương mũi Cà Mau,
Có dòng sông rộng ngang
ngàn thước
Tràng điệp một màu xanh lá được,

Được thân cao vút rẽ ngang mình
Ôm chặt vòng tay ghè đất nước.

Tổ quốc tôi như một con tàu
Mũi thuyền ta đó, mũi Cà Mau!

Như dòng máu mạnh ở đây tay,
Như ở đầu cây đồng nhựa trút,
Như sức cung đồn ở mũi tên,
Như sức bút ở đầu ngọn bút.

Tổ quốc tôi như một con tàu
Mũi thuyền xé sóng, mũi Cà Mau!

(TRÍCH TẬP "MŨI CÀ MAU
VÀ CÀM TAY"
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI 1958)

Và cùng thời gian này, Xuân
Diệu viết một loạt mấy bài thơ liên
về đất nước miền Nam trong sự nhớ
nhung, luyến tiếc ngậm ngùi. Như
bài NHỚ QUÊ NAM:

«Ôi Quê Nam-Quê Nam,
Ta mang trong chữ lời
Dùng mỗi khi nói, viết,
Mang trong nửa con người,
Miền Nam là máu huyết.
Ta mang trong ngực nói
Pha Bắc lẫn Nam nhiều...»
(TRÍCH BÀI NHỚ QUÊ NAM)

Ngay cả trong một bài tùy bút
đăng trên báo Nhân Dân, Xuân
Diệu ray rứt:

«...Miền Nam nước Việt của
chúng ta, ở đâu cũng có đất màu, ở đâu
cũng có nước ngọt... Những kinh,
những rạch chằng chịt, tươi mát cho
ruộng đồng và vườn tược... Cây cối
thà hồ đua nhau mọc, chim chóc vô
vân... Những rừng chuối Bạc Liêu,
những rừng dừa Quảng Nam... Nắng
lộc qua kẽ lá xanh om...»

Thực là qua 9 năm kháng chiến,
tinh cảm khó khăn cần cỗi, chỉ có giết
chóc và căm thù, và Bắc Đàng. Về Hà
Nội với «cảnh cũ người xưa», tình
cảm con người của Xuân Diệu bỗng
chắc được sống dậy một cách mãnh
liệt. Cả cái tình yêu thiên nhiên, tình
yêu nhân loại cũng được mùa.

còn tiếp

← sự chọn lựa giữa một thảm kịch kéo dài và một
hạnh phúc không lối thoát? Cái gì đã xảy ra? Ở
đây lý trí không có chỗ, kể cả một chỗ dành riêng
cho tác giả. Cái gì đã xảy ra? «hạnh phúc là chính
đời sống». Cái gì đã xảy ra? Hạnh phúc đã trở về,
tác phẩm kết thúc. Có thể thôi.

Tác phẩm xoay quanh một chủ đề về hạnh
phúc cùng với những bước thăng trầm của nó
trong đó phiêu lưu chỉ là một cơ hội thử thách
hạnh phúc và cái «thời thượng» được nói đến chỉ
là một khung cảnh để đưa đẩy hạnh phúc đến chỗ
tìm kiếm cho nó một giá trị sống sót. Bởi vì sau cơn
mưa trời lại sáng thì cái vẻ tươi sáng rực rỡ của
một ngày mới đó cũng là một chỗ tận cùng không
còn gì để nói nữa ngoài chính nó. Hạnh phúc cuối
cùng như một hạnh phúc đích thực nhất cũng là
một cái gì không thể nói hết, một điều thăm lặng và
tâm thường nhưng thực quý báu, hạnh phúc cần
thiết như hơi thở như khí trời như màu xanh bời
vì «hạnh phúc là chính đời sống». Tác phẩm mang
một ý hướng lạc quan ca ngợi những điều gì tâm
thường, nhỏ mọn trong đời sống mỗi người. Vì
hạnh phúc là cái ở gần kề chúng ta trong một thể
tượng quan phân chiếu bên nhau. Vì tác giả là một
người có một mối liên hệ nào đó ở bên cạnh hạnh
phúc. Bởi thế nhan đề của cuốn sách (Thời
Thượng) cùng những nỗ lực để đưa toàn thể cái
thế giới trường giả hiện thực đó ra khỏi bóng tối
vẫn không vượt bậc bằng mỗi ám ảnh theo đuổi
hạnh phúc qua từng bước quanh co đó: hạnh phúc
và phiêu lưu là phần văn chương linh động và
quyến rũ của tác giả. Cũng vì một bút pháp số
trương ve ky uyuat hồi tưởng và nội tâm duy nhất
đọc đáo đó nhiều lúc tác giả đã có những đoạn văn
đặc biệt trôi bặt, «bứt» đi một cách bất ngờ, thoát
ly không khí một cuốn truyện có nhiều ý hướng
hiện thực» để quay trở lại với dĩ vãng, một nơi
chốn hoài niệm quen thuộc của ông: những đoạn

văn hoài niệm bắt gặp rất nhiều (tr. 19, 40, 44, 84,
85, 123... đặc biệt là trong chương 2). Cũng trong
ý nghĩa, như trong bất cứ tác phẩm nào của ông,
ở đây có thể nói Mai Thảo là nhà văn số một về
Hà Nội: «Những người Hà nội bỏ Hà nội mà đi
có như chia tay với một người tình. Hà nội với những
người đi xa, không chỉ là một thành phố. Một thành
phố không thời, không có gì hết. Nhà cửa, gạch ngói.
Nhưng Hà nội hơn thế. Hà nội còn là một biểu tượng,
một ý niệm» (tr. 134).

Có thể người ta vẫn gọi nhà văn này là
một nhà văn hiện thực và tác phẩm này là một tác
phẩm hiện thực. Vì lẽ đây là một nhà văn vẫn
muốn tha thiết gắn liền thời đại vào với văn
chương của mình. Nhưng lý do đó vẫn không cho
phép loại trừ một điều này: hiện thực chỉ có thể là
một đề tài chứ không phải là sở trường độc đáo
của riêng bút pháp duy nhất thuần túy của một
mình ông. Cái hiện thực của thế giới «thời thượng»
trong tác phẩm không vượt lên được trước mỗi
ám ảnh hạnh phúc thường trực của tác giả. Và
trường hợp nhan đề một tác phẩm (như tác phẩm
này) vẫn không đủ sức để nói tiếp được phần nội
dung chính yếu mà tác phẩm đã tự do đưa đẩy;
tung hoành (như tác phẩm này). Một ý hướng,
một dự định văn chương nào đó nếu có vẫn chưa
chắc có đủ quyền lực để cưỡng bách chính khả
năng thực sự của văn chương. Bởi vì không có một
thể lực nào có thể thắng được văn chương, kể cả
chính nhà văn cũng vậy. Nhưng dù sao, ý hướng
đó vẫn có, vẫn còn, thí dụ như có thể nói «Thời
Thượng» là một tác phẩm chống lại Thời Thượng
như một thói quen thời trang nhảm nhí, một căn
bệnh thời đại vô ý thức, một thứ kiểu cách tiến bộ
rất phản tiến bộ và Mai Thảo là một nhà văn có khuynh
hướng lạc quan về con người, về gia đình, về xã
hội chẳng hạn. Cùng với tác phẩm này người ta có
thể bắt gặp một điều bất ngờ là Mai Thảo viết đối
thoại rất vững vàng, những nhân vật nói đúng với
họ, ngôn ngữ giữa hai bên không thiếu hụt cũng
không quá độ, tiếng nói được viết ra trong một
mức độ chừng mực vừa phải, thông minh và tế nhị,
lời cuốn và thoải mái (những đoạn đối thoại hay
nhất giữa Phục và Bích: tr. 108, 139, 155, 218,
230...) So với lời văn sở trường của ông thường
hiếm hoi một đối thoại trong những tác phẩm đầu tiên
và những tác phẩm loại tùy bút thì sự thành công
về kỹ thuật viết đối thoại ở đây phải là một điều
có ý nghĩa nhất là đối với một tác phẩm như tác
phẩm này (được cho đăng báo từng ngày một
trước khi in thành sách) cũng như đối với hầu hết
những tác phẩm tiểu thuyết của ông trong thời kỳ
sau này.

Đúng như cách nói quen thuộc của tác giả,
«mỗi thế giới có một thảm kịch riêng» (247), «mỗi
gia đình đều có những hạnh phúc và những thảm
kịch riêng» (tr. 259) cũng như mỗi người một hạnh
phúc không đo lường được, mỗi tình yêu có một
vẻ bi thảm riêng thì cũng có thể nói mỗi nhà văn
vẫn có một môi âm ảnh duy nhất không đời đời hay

quên lãng được mãi mãi. Mai Thảo là một nhà văn
đặc biệt về hạnh phúc và những gì chung quanh
hạnh phúc. Hạnh phúc kêu gọi phiêu lưu từ sự đòi
hỏi phóng lãng miện mang của một bút pháp thơ
mộng không có biên giới. Hạnh phúc ném trả lại
quá khứ, biến tượng cho niềm hoài vọng một hạnh
phúc vĩnh cửu là điều không bao giờ hiện tại bất
kịp. Hạnh phúc gần bó với tình yêu bấy to cái thể
tượng quan biểu lộ quyền năng và sự bất lực giữa
người với người. Hạnh phúc chấp chờn giữa mộng
và thực mà dĩ vãng là một môi trường đầm ấm
và đây về bao dung có khả năng cứu vãn cả hai,
đồng thời có khả năng điều hòa và giữ vững đến
cùng một nghệ thuật hồi tưởng bằng một thời gian
đã sống qua một thời gian đã viết. Và hạnh
phúc từ đó cũng là một lời kêu gọi trở
về không ngừng thôi thúc người viết: Mai
Thảo là một nhà văn cuối cùng bao giờ cũng yêu
mến hai tiếng trở về dù trong cái về «buồn bã một
cách dịu dàng» của nó; «Cuối cùng, tình yêu chỉ là
cái róc rách kín thêm của Dòng suối nhỏ, dòng suối
chảy khuất nẻo nơi cuối đáy hoang vu của một cánh
rừng. Phục và Bích đã tới đó. Đã nơi nghiêng khuôn
mặt trên dòng suối. Rồi quyết định với nhau
là phải trở về» (tr. 232). Hay như một cách nói khác
khi đã tới đó rồi, một chỗ cùng đường, của những
người đã lỡ cùng nhau ra đi: «— Nhưng chúng
mình không thể đi mãi như thế, phải không anh? —
Đúng vậy. Chúng mình không thể đi mãi như
thế» (tr. 228).

Có thể rằng khi ra đi, lên đường đến bất cứ
một chân trời xa lạ nào đó, người ta không cần
phải bận tâm gì đến nơi mình sẽ đặt chân tới,
không cần phải đặt trước một chuẩn đích nhất định;
không cần dự trữ sẵn sàng một phương hướng để
tuân theo, không mơ tưởng một tương lai cụ thể
nào để yên nghỉ sau này. Đó là ý nghĩa của phiêu
lưu. Nhưng khi trở về, hay khi đã lỡ nói đến chuyện
trở về, hy vọng một ngày trở về, hành động để
đạt được một lần trở về, hy sinh để cầu nguyện
một chuyện trở về, phải chăng khi đó người ta vẫn
còn tiếp tục có thể tự cho phép mình được quyền
tự do thái quá để từ khước việc chọn lựa, chọn
lựa một điều tâm thường giữa những điều tâm
thường? Làm sao có thể trở về được khi không
có bất cứ một điểm tựa nào để chúng ta nhìn lui
lại đằng sau, không có một nơi chốn nào để làm
đất đứng về sau, không có một vị trí nào để quay
lại tìm về? Trở về mà không có một điều kiện
không gian để trở về là một điều không thể hiểu
được. Đó là ý nghĩa của hạnh phúc, điều đã bỏ
quên và có thể nhớ lại được, điều đã đánh mất
nhưng không phải là đã vô phương tìm kiếm. Vì
trở về chỉ có nghĩa ở đây là trở về với hạnh phúc,
một khởi điểm và một tận điểm văn chương dịu
dàng và thăm lặng của Mai Thảo.

Bằng bất cứ con đường nào, theo bất cứ cách
nói nào, trong bất cứ hoàn cảnh nào, những nhân
vật đó và cả những ai không là nhân vật đều là
những người ở bên cạnh hạnh phúc. hopto.org

Bánh TRUNG THU
TIỆM CHÁNH
O.T. 37.183
Song Xương
TRÊN BA CHỤC NĂM
THƠM DANH TIẾNG
NGON
RE 168-170
QUỐC LỘ

SINH HOẠT VĂN NGHỆ

PHỤ TRÁCH
HOÀNG NGỌC LIÊN



CÁC MIỀN

Đặc biệt giới thiệu:

Chương trình "HUYỀN THOẠI DÂN TỘC"
trên THVN với kịch phẩm "ĐỘNG ĐÌNH HỒ"

Nói đến "Huyền Thoại", tức là đề cập tới một cái gì vừa mơ hồ, vừa huyền ảo, hoang đường, một cái gì không thể xảy ra trong thực tế, nhưng lại như gần liền với đời sống của con người, để có thể vươn lên thật cao, mờ ra thật rộng. "Huyền Thoại" ấy lại được ghép vào danh từ "Dân tộc" đã xác định rõ ràng cái giá trị truyền thống của cả một dân tộc, kể từ ngày lập quốc.

Huyền thoại trong quá trình lịch sử cũng như văn học của dân tộc ta là một kho tàng vĩ đại và vô giá. Nó vĩ đại, vì nó thể hiện cả một cái đặc tính của dân tộc, rõ ràng cho dân tộc ta phân biệt với các dân tộc khác trên thế giới, nó bao hàm mọi khía cạnh sinh hoạt của dân tộc, từ cuộc tranh đấu cam go để mở mang bờ cõi, ngăn chặn ngoại xâm, duy trì quốc thể, quốc hồn, quốc tính trong suốt miền trường của lịch sử, đến nếp sống cao thượng, hồn nhiên, mỹ miều qua phạm vi tín ngưỡng, triết lý, luân lý, phong tục tập quán, hài đàm phóng thả, trong văn học nghệ thuật. Nó vô giá vì nó có sức mạnh tác động tâm lý dân tộc, đẩy đưa dân tộc trở về nguồn gốc xa xưa của chính dân tộc, khiến cho mọi người như cảm thấy dân tộc mình không phải là dân tộc tầm thường, mà là một dân tộc cao trọng hơn người. Từ sự hãnh diện về lịch sử và văn hóa thâm sâu, xa rộng ấy, dân tộc thấy phát hiện trong đáy lòng mình tình yêu nước sâu xa, mãnh liệt.

Cái giá ấy trở thành vô giá, vì nó không thể mua được bằng ngọc vàng châu báu, mà nó phải duy trì và bảo vệ bằng xương, bằng máu của cả một dân tộc, trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào.

Huyền thoại như vậy là hồn thiêng dân tộc, là khí thiêng sông núi. Nó tiềm ẩn trong huyết mạch của con dân, như thể nó là mỗi con dân, và mỗi con dân là nó. Nó thuộc về mỗi người mà cũng thuộc về mọi người, không phân biệt giai tầng xã hội, địa vị trên dưới. Huyền thoại thúc đẩy và như khuyến khích nhớ nhớ bên tai mỗi con dân hãy nâng niu, bảo vệ và phát huy mạnh mẽ, để không bị lai căng mất gốc.

Trong giai đoạn hiện tại, giai đoạn mà đường như mọi giá trị tinh thần cổ truyền bị thủ tiêu, bị lấn át để nhường chỗ cho những đua đòi mất gốc, chương trình HUYỀN THOẠI DÂN TỘC do Nguyễn Thanh Cẩm chủ trương được ra đời, đã là một cái gì đáng được chú ý và trân trọng, ít là trong mục đích của nó.

— Về Kịch Phẩm "ĐỘNG ĐÌNH HỒ"

Mở màn cho chương trình "Huyền Thoại Dân Tộc" là kịch phẩm "ĐỘNG ĐÌNH HỒ", sáng tác của Nguyễn Thanh Cẩm. Về kịch đã được trình diễn trên màn ảnh THVN suốt 95 phút liên tiếp tới thứ 4 (5-9-1970). Nội dung kịch phẩm trình bày nơi phát xuất nguồn gốc của dân tộc Việt Nam chúng ta cách đây trên 4000 năm lịch sử.

Người công tác thực hiện chương trình với Nguyễn Thanh Cẩm là Ngọc Hồ, và một số văn nghệ sĩ hữu danh tại Thủ Đức như Hoàng Long, Ngọc Đức, Kiều Phương Loan, Ngọc Thanh vân vân.

hoàng ngọc châu

THAY LỜI TỎ TÌNH

Này bé lòng ta đây tiếng chim
Hai mươi sáu tuổi rất bình yên
Mà người chỉ gỗ thềm rất nhẹ
Ôi bảo quay tròn tuổi thanh niên

Giờ bỗng dưng lòng sương muối vậy
Hồn lênh đênh tựa khóm thu gầy
Người qua dáng mỏng như là gió
Phôi tuổi vàng ta trên ngọn cây

Với nụ cười xanh với giọng kim
Cho ta về thức mộng thâu đêm
Viết tên người xuống trường hoa cũ
Nét chữ si mê đá cũng mềm

Ơi giọng của người nhất Việt Nam
Ngọt như mật và thơm như trầm
Giám hồn ta giữa cơn mê sáng
Và sùng sờ theo với tháng năm

phạm cao hoàng

CŨNG ĐỦ ẨM LÒNG

Ngồi bên cửa sổ
nhìn ra ngoài không gian
thấy trời thu thật thấp

em hát như chim hát
tóc bời bời trong mây
một trời thu là lụa
một đời ta lang thang

là sâu hai con mắt
lừa hừng hực tìm gan

Ngồi bên hàng dậu
chiều nhìn lên đình cho
gió làm bay bay tóc
to mãi buồn hay sao?

nghĩa gì trong cuộc sống
vỡ vụn lần gian truân
biết đời đã vô vọng
nên chiều nay vong thân

là một giòng suối mát
ấm ơn em nhé, Loan.



Với cái nhãn hiệu "Huyền Thoại Dân Tộc", người xem đã cảm thấy một không khí mơ hồ, bàng bạc, một vẻ gì huyền bí, hoang đường, khả ái. Mọi người chú ý đặc biệt chủ đích của chương trình này. Nguyễn Thanh Cẩm đã cố gắng trong việc khai thác những khía cạnh mới mẻ rút ra từ những vấn đề xưa cũ, mà dường như ít ai nghĩ tới.

Trở lại kịch phẩm Động Đình Hồ, nhận xét đầu tiên của chúng tôi là vấn đề tạo dựng nội dung cũng như hình thức của vở kịch. Về nội dung, tác giả đã bám cứ vào huyền sử với những điểm tiến hợp lý, cho dù đó là điểm tiền hoang đường, khiến cho người xem không thấy ngỡ ngàng. Đây là một bài học lịch sử khởi đầu rất cụ thể và hữu ích. Xét về hình thức, nghệ thuật viết loại kịch huyền thoại của tác giả, với nhiều tình tiết hoang đường lý thú, đã khiến cho người xem thấy như được dẫn vào một khung cảnh man dại của thời thượng cổ.

Một điều cũng cần ghi nhận là vấn đề đối thoại. Khi diễn tả cảnh mơ hồ, huyền ảo, say sưa, tác giả dùng những lời văn say sưa, huyền ảo, mơ hồ; khi diễn tả chỉ khí dũng mãnh thì lời văn lại hùng tráng, hiên ngang khiến cho khán giả thấy thích thú vì bị tác động tình cảm mạnh mẽ.

Về phần thực hiện, Ngọc Hồ cũng đã thu được được kết quả khả quan, mặc dầu còn một số khuyết điểm, mà chỉ có người trong nghề mới thông cảm được. Dầu sao đó cũng là một cố gắng đáng được khích lệ, vì thực hiện được một nghệ phẩm giàu kịch tính như Động Đình Hồ trên màn ảnh TH là điều rất khó khăn, đòi hỏi nhiều kiên nhẫn, nhiều cố gắng, đôi khi vượt quá tầm mức của phương tiện.

Cảnh trí độc đáo, huyền ảo như nội dung vở kịch. Nhà trang trí Lê Nguyễn đã tỏ ra có năng khiếu trong việc dựng phông cảnh trên TH, với những nét bút khá bay bướm.

Vấn đề y phục trong một vở kịch huyền thoại cũng làm nhức đầu không ít. Nhưng ở Động Đình Hồ, y phục đã được thực hiện khá công phu, có thể phù hợp với nếp sinh hoạt "đã man" thời thượng cổ. Thật ra, đây chỉ là sản phẩm của tưởng tượng, vì làm sao có thể thực hiện khi không có căn bản nào chính xác để bầu vịu vào đó mà tác tạo ra.

Về phương diện diễn xuất, mặc dầu chưa làm quen với loại kịch này, nhưng Hoàng Long, Ngọc Đức đã tỏ ra xuất sắc, với dáng điệu chững chạc, đường bệ, oai phong của bậc quân vương, với giọng nói sang sảng, bước đi hùng dũng pha chút man rợ để thương. Kiều Phương Loan, tuy không được quý phái, nhưng rất duyên dáng, rất nhẹ nhàng, được nhiều cảm tình của khán giả. Ngọc Thanh, cũng đã làm tròn vai của mình, mặc dầu có hơi thiếu tự nhiên. Thiện Ân đã diễn tả đáng điệu, và về mặt khá thành công khi nghệ được "tiếng thiêng liêng" của trời ban xuống lúc Âu Cơ sinh hạ bọc trứng trăm con.

Tóm lại, ngoài một số khuyết điểm, Nguyễn Thanh Cẩm đã thành công trong việc xây dựng một kịch phẩm huyền thoại hoang đường. Ông đã biết khai thác một lâu đài với những báu vật vĩ đại xa xưa của dân tộc như là một nguồn mạch tinh thần tươi mát nuôi sống mọi con dân, trong ý thức dẫn đưa khán giả trở về với cội nguồn cao quý, khả ái của dân tộc để nuôi dưỡng và phát triển tình yêu nước ngày thêm sâu đậm... Δ

Bánh TRUNG THU



TRONG những cửa tiệm nằm rải rác trên đường Đồng Khánh, tuần lễ chuyển mùa này, và mặc dầu cái lưới mưa đan lướt thướt hàng hàng còn che khuất một con trăng mùa thu chưa hiện, những chõng bánh chỉ được làm ra cho một cái tết nhi đồng đã nhất loại bày bán. Mặt bàn khăn trải trắng muốt. Bánh đứng từng chõng cao ngất. Khung kính, đèn vầy sáng chói. Từng hàng thẳng tắp, bánh nằm. Những núi bánh nướng, da bánh trơn nhẵn, đậm đà sắc lừa. Những rưng bánh dẻo, thịt bánh mềm nhuyễn, nhuần nhĩ chất đường. Từ những khuôn gỗ lẩn ra, từ những cửa lò mang tới, những chuyển xe đường bột hân hoan đầy ắp đang chờ mùa thu xanh biếc tới, thấp lừa vui trong từng cội mắt thiếu nhi. Thu, mỗi năm thu, đến với ấu thơ bao giờ cũng vậy. Sớm. Trong cái dáng bình minh phơi phới nhất của mùa. Bông cộ tích hồng một con trăng huyền thoại. Đèn thắp từ thấp sáng trước trắng râm xanh. Trống ếch nổi trước lá vàng rơi và thời tiết chuyển. Trước khi nói chuyện với lũ người lớn buồn rầu xuẩn ngốc bằng mưa phùn nghiêng nghiêng, những tờ thư cũ, những buổi chiều tím và những kỷ niệm mốc, thu hiện hậu đã rất mùa xuân nghiêng xuống trước với những tuổi vàng. Thu đích thực như thế. Không già, không đau, không sầu, không đầy đặc những nếp nhăn ưu tư và náo nùng cái khuôn mặt cổ đơn như người lớn tưởng. Cốm vòng trong lá sen, thời tiết ử chín vừa, thu là chất rượu tuyệt vời của đất trời đựng trong cái bình bằng ngọc.

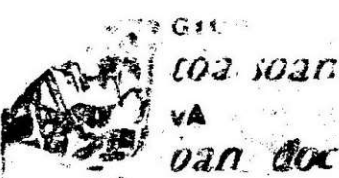
CÁI thế giới mùa thu của người lớn sâu nào xanh lướt, trái ngược hẳn với cái thế giới mùa thu của tuổi thơ và tạo vật sáng láng vô chừng. Thu tới, cái nắng hanh lăm càng da thịt. Những mạch máu trong người rạo rực. Chuyển mùa khỏi sự từ một trạng thái ngày ngất, khi trong một cánh rừng kia, một mặt hồ bóng trong suốt như gương. Có mùa trái tằm đem gấm, là vàng thả xuống, thêu thành thảm hoa, hơi lạnh vừa vừa lên nhập vào không khí thành từng bức tường âm điệu vô hình, gõ nhẹ ngón hồ, thấy thánh thót âm thanh. Và không gian đặt những phim dương cầm trên những địa đầu cảm xúc bén nhậy nhất của không gian. Đó là một đỉnh núi nơi có mây trắng vầy, một lưng

trời nơi có mây trắng bay, một cửa rừng nơi có những cặp mắt nai hiền, một đỉnh thu nơi có một hạt sương đêm đậu thành cái mũ kim cương, ở đó niềm sơn sao vi đại của mùa là nỗi dịu dàng triển miên không ngừng của gió. Mùa thu như thế. Thu là thơ. Thơ biếc. Chữ không phải thơ sâu. Mùa thu như thế. Thu là nhạc. Nhạc nổi và bay chứ không phải nhạc chìm và chết. Lá tới kỳ lá chết mặc lá. Chỉ thấy đẹp tuyệt vời cái màn lá bay thành một trận mưa vàng. Chiều tím mặc chiều. Chỉ thấy trong một đáy suối lim dim, những hòn sỏi nằm trắng muốt. Duy nhất trong mùa thu, những hiện tượng muôn vàn của những chạm đụng tuyệt diệu. Nắng chạm trong gió, nắng vàng thêm thiếp. Gió luồn trong nắng, bay nhiều tơ liễu. Đụng rất hồ. Chạm nhẹ nhẹ. Mỗi tiếng nghe là một ngữ vực mới, tất cả những tiếng trời trong một vành tai nghiêng, cái phút sống ấy nghệ thuật biết chừng nào, khi trong một lắng đọng thủy tinh, ta nghe, ta yêu, những bước chân thu về không tiếng động. Đụng rất êm. Chạm thật nhỏ. Chỉ phớt qua thành một thấp thoáng, trườn lợt thì thành một bằng khuâng. Đó là cái ngón tay của mùa. búp gà uyển chuyển. Đó là cái hơi thở của mùa, bay suốt cội đời. Và những nhạc phẩm cổ điển bất hủ tây phương kia đã rời khỏi những lâu đài, làm nhịp đập ngọt ngào của hàng triệu trái tim trong hàng triệu lồng ngực. Và nếu anh đi một mình trên một con đường nhỏ, mà chỉ nghe nổi cái tiếng hát thầm bất chợt trong anh là một giọt lệ và một tiếng thở dài, là vì những đường giây cảm xúc đã trùng, anh hết nghe nổi cái sức sống ngày ngất của mùa thu bất ngát.

GOI mùa xuân, mùa hạ, mùa đông, là mùa đông mùa hạ mùa xuân. Nhưng mùa thu gọi mãi tên, đã nghe được âm đi còn nghe thêm vọng tới, thì cái chữ theo là một chữ thừa. Mùa. Chữ mùa là đủ. Mùa về trong ta. Trong ta mùa đây. Chỉ có thu mới đi đúng cái nhịp mùa lượn lượn, là cái nhịp cuốn tròn trong lá, uyển chuyển trong khói, mơ hồ trong mây, chấp chờn trong hơi, và trong mưa khiêu vũ bằng chiếc áo dài màu lục nhạt. Hồn của mùa thu nằm trong cái đài hoa nhỏ và đẹp nhất kia của một hạt cốm.

TÂM thức người lớn thường là một tâm thức hống. Lệnh và gập nếp. Trong một cặp mắt của tâm thế trưởng thành, nếu ý thức là cái tia hồng ngoại xuyên đã rọc rở căn phòng nội giới, thì mặt khác, trên cái khung cửa sổ tâm hồn của căn phòng này, thường lại có một tấm rèm dệt thành bởi những rung động ước lệ huỳnh vầy. Soi mãi dung nhan vào tấm gương đời âm đục, cái bóng bệnh của mây trời nhìn sai đi thành lằng lằng sương mù, năm năm chúng ta đón thu về bằng chiếc kính thuốc đeo trên những cặp mắt yếu môi đã chói từ ánh sáng. Mỗi lần thu về, phải thế không, lại nguyên vẹn không đổi thay một số nhĩ lẽ tình cảm bất biến trang trọng bày trên cái bàn thờ sâu nào? Những tờ thư cũ được đem đọc lại, cho mỗi tình đầu đòi tan nát vỡ vụn khóc lóc theo từng nét chữ. Đốt lên một lò trầm tưởng, nhớ, cho quá khứ trở về, dựng lại những kỷ niệm cho thời gian đứng lại, ta song mề sảng với những mùa thu nào đã một mùng tâm tích, mà ở ngoài cái thu bây giờ, cái thu đang tới, lộng lẫy thần tiên. Hãy ra ngoài trời, sáng nay, tâm da thịt bàng hoàng với cái nắng tháng tám. Hãy nằm trên cỏ biếc chiều nay, nghe có những nghe đất nầu nột, chuyển những trời biếc. Thì thu không phải chỉ là chết, mưa phùn, ngón tay gầy cằn lâu tới thăm, chiếc áo đan không nên dáng người, gió lạnh lúc nửa khuya, chân chiếu lạnh tiếng thở dài về sáng. Mà thu đang xuống với đời kia; cái tiếng mùi vang động khắp không gian, đang thả xuống những đường tơ trùng, những tiếng vàng bay thành rạo rực sơn sao những đường tơ mới.

CỬA sổ phòng tôi sáng nay mở rộng. Không khí ngọc thạch. Trời cao và xanh. Trời nhẹ và tôi hồng. Tôi vui và tôi biếc. Sáng mát trong như sáng năm xưa, gió thổi mùa thu hương cốm mới, đã bắt gặp trời, tháng tám rồi đây. Đã lộng lẫy mùa, một tháng chín gấm. Và chân sáo chạt đường trắng râm giữa ngực, cái cây đèn kéo quân vi đại đang chảy đó là những lên tám, lên mười náo nức kéo nhau đi đón mùa thu vừa đáp trực thẳng xuống một bãi đáp thành phố.



LÊ ĐÌNH (Đại Học Xã Mĩm). — Bài Thi Ca và Tư Tưởng của ông chúng tôi chưa đọc xong, mặc dù đã đọc hết một lần. Ông viết cho loại này có lẽ tốt hơn là viết đoàn văn.

HÀNG HÀ (Ba Xuyên). — Rất cảm kích trước nỗ lực của bạn. Tập thơ hình như chỉ nói về một làng chài, tuy đặc biệt nhưng chưa thể đăng được.

PHAN CUNG NGHIỆP (QN). — «Còn Buổi Chiều Vàng» đăng được, sẽ đăng, mặc dù dài quá. Ráng viết ngắn thôi. Cỡ 16 trang.

NGUYỄN CAO THÂM (NT). — Thơ anh đang đọc. Sẽ chuyển lời

hỏi thăm tới Nguyễn Tôn Nhan. Tôi ít có dịp đi Nha Trang lắm.

HOÀNG TỪ GIANG (ĐN). — Là thư khiến nhớ xứ đó. Đã ở đó. Bài thơ hy vọng đăng sớm.

LẠC TRỊNH NGÂN HỒNG (Sg). — KH thành thật cảm ơn ông đã gửi cho tài liệu nghiên cứu của ông. Tiếc rằng tờ báo chúng tôi không tiện đăng.

NGUYỄN KHÊ (QN). — Không thể quyết định ngay được, mặc dù rất vui khi nhận thư anh. Hy vọng có dịp ra QN chơi?

NHẤT PHƯƠNG (Chợ Lớn). — Cảm ơn bạn đã gửi bài, nhưng tiếc không đăng được.

TỔNG CHÂU AN (ĐN). — Gửi lời hỏi thăm Tr Dza Lữ — Lê Miên Tường, Hải Triều Âm. Sẽ đi cái QC cho A Khuê.

LA HỒNG THANH. — Cô vui lòng gửi cho sáng tác khác.

VƯƠNG HOÀI UÊN. — Đang đọc. Làm quen với mình. Buồn nhĩ

L. LUÂN (BX). — 1) Nếu đã có một chút thiên tài để viết văn thì nhất rồi, khỏi cần học gì thêm. 2) Tiêu chuẩn là hay, còn không có tên chỉ nào hết. 3) Bài không chọn đăng là vì, nhiều lý do, mà tòa soạn không đủ chỗ để giải thích. 4) Không nên gửi một bài ở nhiều báo, vì như thế có vẻ cầu may quá. Về phần tòa báo, sợ đăng trùng báo khác, như đã xảy ra.

KHÔNG ĐĂNG

Ng Trọng Nh — Ng. Quang B — Ng Tam PS — Kh. N — Hạnh Ph — Phạm Nguyên H — Yên B — Phan đã B — Phan v Q — Bùi Năng Ph — Lam D — Ng Du C — Hoài Mặc Th — Ng Lữ H — Trần Bích Th — Vũ Ngọc Châu — Lữ Kh — Quang Ch — Phan Bội B — Ng Công L — Hà thế Ch — Hoàng Việt Nh — Đặng V (2) — Thương Nhật H — Ng Sa M — Hoàng Minh H — Dương Ngọc T — Dạ H — Lê Thụy H — Hồ đăng H — Võ Thành L — Ng Ngọc Th —

ĐANG ĐỌC

Trần Yên Hòa — Ng Lương Vỹ — Ng Âu Hồng — Trúc Viễn Phương — Trần Dza Lữ — Ca Hát — Ng Lộc Tục — HN Liên Văn — Mai Việt — Tống Châu Ân — Hoa Tường Dung.

NHẮN TIN

LƯU HUỲNH TRUYỀN. 4648. — Nhận được cả rồi. Quý lắm.

NG KIM PHƯỢNG. 4061. — Đã gửi cho anh 1 thư riêng.

TRẦN VĂN SƠN

NHẮN TIN THÂN HỮU

Tô đình Sự, Lâm Chương, Phạm nhĩ Dư, Lưu Văn, Trần phủ Thế, Thụy Miên, Đỗ Nghệ, Nguyễn như Mây, Tráng Thế Hải, Nguyễn Bắc Sơn, Lê văn Chính... Một Tập chĩ vào tháng mười. Xuất bản tại Bình Tuy. Bài vở, thư từ về gần địa chỉ: ông Phạm văn Nhựt Ty Nội Vụ — Bình Tuy. (trao cho Trần văn Sơn).